

Dell C6522QT

Hướng dẫn dành cho người sử dụng

Kiểu mẫu: C6522QT
Mẫu pháp lý: C6522QTt





LƯU Ý: GHI CHÚ cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng màn hình tốt hơn.



THẬN TRỌNG: Phần **THẬN TRỌNG** cho biết những thiệt hại có thể xảy ra với phần cứng hoặc nguy cơ mất dữ liệu nếu không làm theo hướng dẫn.



CẢNH BÁO: Phần **CẢNH BÁO** cho biết khả năng xảy ra thiệt hại tài sản, thương tích cơ thể hoặc tử vong.

Bản quyền © 2021 Dell Inc. hoặc các công ty con của Dell. Bảo lưu mọi quyền. Dell, EMC, và các thương hiệu khác là thương hiệu của Dell Inc. hoặc các công ty con của Dell. Các thương hiệu khác có thể là thương hiệu của chủ sở hữu tương ứng.

2021 – 01

Rev. A00

Mục lục

| | |
|--|-----------|
| Hướng Dẫn An Toàn | 5 |
| Về màn hình của bạn | 6 |
| Nội dung theo gói | 6 |
| Đặc tính sản phẩm | 8 |
| Nhận diện các bộ phận và kiểm soát | 9 |
| Phía trước | 9 |
| Phía sau | 10 |
| Bên cạnh | 11 |
| Phía dưới | 12 |
| Thông số kỹ thuật màn hình | 13 |
| Cảm ứng | 14 |
| Hệ điều hành hỗ trợ | 14 |
| Độ chính xác đầu vào cảm biến cảm ứng | 14 |
| Thông số kỹ thuật loa | 15 |
| Thông số độ phân giải | 15 |
| Các chế độ hiển thị cài sẵn | 15 |
| Thông số điện | 16 |
| Đặc tính vật lý | 17 |
| Đặc tính môi trường | 18 |
| Chức năng của các chân (pin) | 19 |
| Tính năng Cẩm là chạy | 25 |
| Chất lượng màn hình LCD và Chính sách Pixel | 25 |
| Hướng dẫn bảo trì | 25 |
| Vệ sinh màn hình của bạn | 25 |
| Cách thiết lập màn hình | 26 |
| Kết nối màn hình | 26 |
| Optiplex (tùy chọn) | 26 |
| Kết nối PC ngoài | 27 |
| Kết nối Optiplex | 29 |
| Sắp đặt cáp gọn gàng cho webcam bên thứ ba bằng OptiPlex (Tùy chọn) .. | 30 |
| Lắp khung treo tường(Tùy chọn) | 32 |
| Điều khiển từ xa | 33 |
| Lắp pin cho điều khiển từ xa | 34 |
| Cách sử dụng điều khiển từ xa | 34 |



| | |
|--|-----------|
| Phạm vi hoạt động của điều khiển từ xa | 35 |
| Cảnh Báo Từ Tính | 36 |
| Sử dụng bút. | 36 |
| Phạm vi từ tính | 36 |
| Đầu Xóa và Đầu Viết của Bút | 37 |
| Thay đầu bút | 37 |
| Cách vận hành màn hình | 38 |
| Bật Màn hình. | 38 |
| Màn hình OSD cảm ứng | 38 |
| Sử dụng Màn hình điều khiển cảm ứng. | 39 |
| Dùng chức năng khóa OSD. | 40 |
| Các dùng menu hiển thị trên màn hình (OSD) | 41 |
| Truy cập Hệ thống menu | 41 |
| Điều khiển OSD cảm ứng. | 43 |
| Các tin nhắn Cảnh báo lựa chọn hiển thị. | 52 |
| Cài đặt độ phân giải tối đa. | 56 |
| Quản lý Web Dell dành cho màn hình | 57 |
| Xử lý sự cố | 62 |
| Tự kiểm tra. | 62 |
| Chẩn đoán dụng sẵn. | 63 |
| Sự cố chung. | 65 |
| Sự cố cụ thể về sản phẩm | 67 |
| Sự cố về màn hình cảm ứng | 68 |
| Sự cố cụ thể về Bus tuần tự đa năng (USB) | 69 |
| Sự cố về Ethernet. | 70 |
| Phụ lục | 71 |
| Thông báo FCC (chỉ Hoa Kỳ) và thông tin pháp lý khác | 71 |
| Liên hệ Dell | 71 |
| Cơ sở dữ liệu của sản phẩm EU để ghi trên nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm | 71 |



Hướng Dẫn An Toàn

△ **CHÚ Ý: Nếu điều khiển, điều chỉnh hoặc thực hiện các thao tác không giống như nêu trong hướng dẫn này có thể sẽ khiến cho sản phẩm bị sốc, chập điện và/hoặc hỏng cơ học.**

- Đặt màn hình trên bề mặt chắc chắn và xử lý cẩn thận. Màn hình dễ vỡ và có thể bị hỏng nếu bị rơi hoặc va đập mạnh.
- Cần đảm bảo màn hình có định mức dòng điện tương ứng với nguồn AC tại nơi sử dụng.
- Giữ màn hình ở nhiệt độ phòng. Lạnh hoặc nóng quá mức có thể tác động xấu đến thành phần tinh thể lỏng của màn hình.
- Không để màn hình bị rung lắc hoặc va đập mạnh. Ví dụ, không đặt màn hình bên trong cốp xe.
- Rút phích cắm màn hình khi không sử dụng trong một khoảng thời gian dài.
- Để tránh bị điện giật, không tháo nắp hoặc chạm vào bên trong màn hình.


Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem mục Thông Tin An Toàn, Môi Trường và Quy Định (SERI).






Về màn hình của bạn









Nội dung theo gói

Màn hình của bạn được gửi kèm các phụ kiện dưới đây. Hãy đảm bảo bạn nhận được tất cả các thành phần và [liên hệ với Dell](#) nếu thiếu bất cứ thành phần nào.




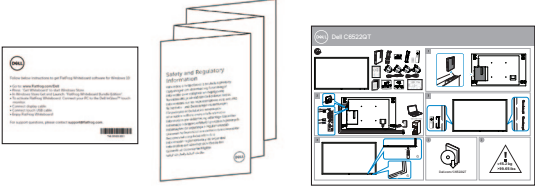
 **LƯU Ý:** Một số mục có thể là tùy chọn và có thể không đi kèm với màn hình. Một số tính năng hoặc phương tiện có thể không có sẵn ở một số quốc gia.

| Nội dung theo gói | Mô tả |
|---|----------------------------------|
|  | Màn hình |
|  | Bộ phận giữ Optiplex |
|  | Điều khiển từ xa & Pin (AAA x 2) |



| | |
|---|--|
|  | <p>Bút Stylus x 2</p> |
|  | <p>Đế Đựng Bộ Điều Khiển Từ Xa</p> |
|  | <p>Đai đỡ dây x 3</p> |
|  | <p>Camera Wire Saddle x 3</p> |
|  | <p>Đầu bút x 2</p> |
|  | <p>Dây cắm nguồn (thay đổi theo quốc gia)</p> |
|  | <p>Dây cắm nguồn để kết nối hệ thống Optiplex với màn hình (xem Optiplex (tùy chọn))</p> |
|  | <p>Đầu cáp USB 3.1 vào máy tính (để kết nối với các cổng USB trên màn hình)</p> |



| | |
|---|--|
|  | Cáp DP (DP với DP) |
|  | Cáp USB Loại C |
|  | Cáp HDMI |
|  | <ul style="list-style-type: none"> • Hướng dẫn tải Phần Mềm Bảng Viết Flatfrog • Thông tin an toàn, môi trường và pháp lý • Hướng dẫn cài đặt nhanh |

Đặc tính sản phẩm

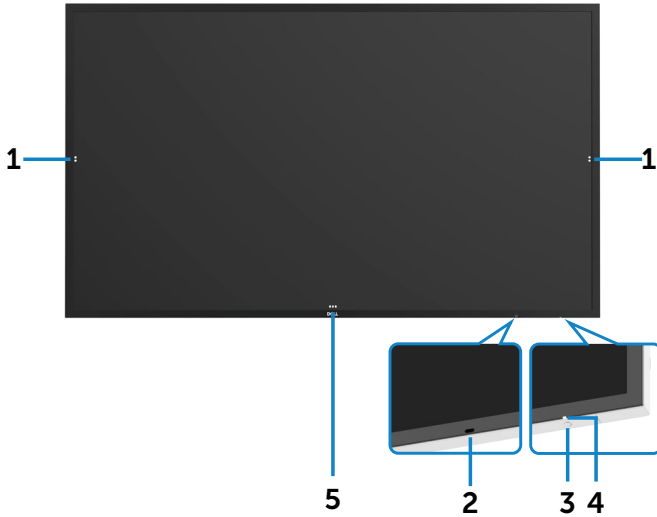
Màn hình **Dell C6250T** có một ma trận động, bóng bán dẫn dạng phim mỏng (TFT), màn hình tinh thể lỏng (LCD), và đèn nền LED. Màn hình có các đặc tính:

- Hiển thị vùng động 163.906 cm (64.53 inch) (đo theo đường chéo) độ phân giải 3840 x 2160 (tỉ lệ 16:9), và hỗ trợ toàn màn hình cho các độ phân giải thấp hơn.
- Các lỗ gắn khung treo tường 400 x 400 mm theo tiêu chuẩn Hiệp hội Tiêu chuẩn Điện tử Video (VESA™).
- Loa tích hợp (2 x 20 W).
- Khả năng Cắm là chạy nếu được hệ thống của bạn hỗ trợ.
- Điều chỉnh hiển thị trên màn hình (OSD) để dễ dàng thiết lập và tối ưu hoá màn hình.
- Khe khoá bảo mật.
- Hỗ trợ khả năng quản lý tài sản.
- Kính không chứa asen và không chứa thủy ngân chỉ với Pa-nô màn hình.
- Nguồn điện dự phòng 0,5 W khi ở chế độ chờ.
- Dễ dàng thiết lập với Dell Optiplex Micro PC (Hệ số dạng micro).
- Công nghệ cảm ứng lên tới 20 điểm chạm và 4 bút InGlass™.
- Mang đến sự thoải mái tối đa dành cho mắt với màn hình không nhấp nháy.
- Tác động lâu dài của ánh sáng xanh phát ra từ màn hình có thể làm tổn thương mắt, bao gồm mỏi mắt hoặc mắt kỹ thuật số. Tính năng ComfortView được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh tỏa ra từ màn hình nhằm giúp mắt bạn được thoải mái nhất.



Nhận diện các bộ phận và kiểm soát

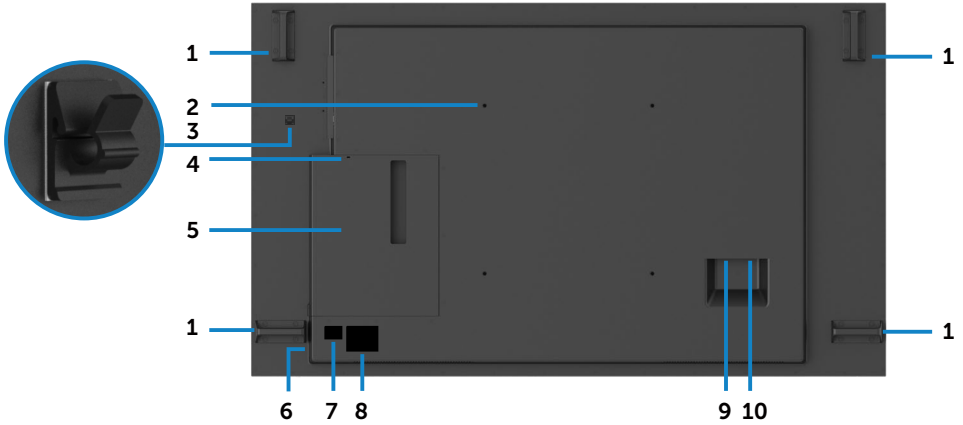
Phía trước



| Nhãn | Mô tả |
|------|--|
| 1 | Phím cảm ứng thả màn hình xuống |
| 2 | Mắt thần hồng ngoại |
| 3 | Nút bật/tắt nguồn |
| 4 | Đèn LED báo nguồn Đèn trắng sáng ổn định cho biết màn hình đang bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng sáng nhấp nháy cho biết màn hình đang ở Chế Độ Standby. |
| 5 | Phím cảm ứng OSD Launcher touch key (Để biết thêm thông tin, xem Cách vận hành màn hình) |



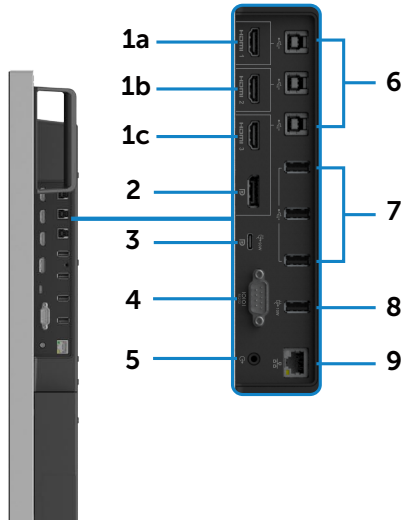
Phía sau



| Nhãn | Mô tả | Công dụng |
|------|--|---|
| 1 | Quai cắm x 4 | Dùng để di chuyển màn hình. |
| 2 | Lỗ ngàm VESA (400 x 400 mm) | Để gắn màn hình. |
| 3 | Nạp cáp USB Loại C | Sử dụng để định tuyến cáp USB Loại C. |
| 4 | Khe khoá bảo mật | Bảo vệ Optiplex với khoá cáp bảo mật (bán riêng). |
| 5 | Bộ phận giữ Optiplex | Dùng để giữ một PC Optiplex hệ số dạng micro. |
| 6 | Số serial, Nhãn thẻ dịch vụ và Trang web | Xem lại nhãn này nếu bạn cần liên hệ yêu cầu hỗ trợ kĩ thuật từ Dell. |
| 7 | Mã vạch, số Seri và nhãn thẻ dịch vụ | |
| 8 | Mẫu pháp lý | Danh sách các nhãn đã phê chuẩn. |
| 9 | AC sang Optiplex | Bộ chuyển đổi nguồn AC sang Optiplex (tùy chọn) |
| 10 | Đầu nối nguồn AC | Để kết nối dây nguồn màn hình. |



Bên cạnh

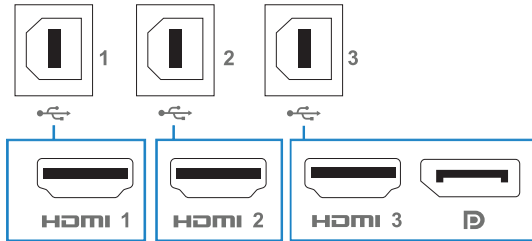


| Nhãn | Mô tả | Công dụng |
|-----------|-----------------------------|--|
| 1a | Đầu nối HDMI 1 | Kết nối máy tính của bạn với cáp HDMI. |
| 1b | Đầu nối HDMI 2 | |
| 1c | Đầu nối HDMI 3 | |
| 2 | Đầu kết nối DP | Kết nối máy tính của bạn với cáp DP. |
| 3 | USB Loại C/ CổngHiển thị | Kết nối với máy tính của bạn bằng cáp USB Loại C. Cổng USB 3.1 Type-C mang lại tốc độ truyền tải nhanh nhất đồng thời giải pháp thay thế DP 1.2 còn hỗ trợ độ phân giải tối đa 3840 x 2160 ở tốc độ 60 Hz, PD* 20 V/4.5 A, 15 V/3 A, 9 V/3 A, 5 V/3 A. LƯU Ý: USB Loại C không được hỗ trợ trên các phiên bản hệ điều hành Windows trước Windows 10. |
| 4 | Đầu nối RS232 | Quản lý xa và điều khiển màn hình từ xa qua RS232. |
| 5 | Cổng đường ngõ ra âm thanh | Kết nối với thiết bị âm thanh ngoại vi ngoài. Chỉ hỗ trợ âm thanh 2 kênh. LƯU Ý: Cổng đường ngõ ra âm thanh không hỗ trợ tai nghe. |
| 6 | Cổng đầu cáp USB 3.1 (3) | Kết nối cáp USB ở màn hình với máy tính. Khi cáp này được nối, bạn có thể sử dụng các đầu nối USB với thiết bị cá nhân trên màn hình và chức năng cảm ứng trên màn hình. LƯU Ý: Xem phần hướng dẫn về nguồn đầu vào và kết nối USB . |



| | | |
|---|--|--|
| 7 | Các cổng USB 3.1 kết nối với thiết bị các nhân (3) | Kết nối với USB của bạn. Bạn chỉ có thể sử dụng đầu kết nối này sau kết nối cáp USB với máy tính và đầu nối USB kết nối với máy tính trên màn hình. |
| 8 | Cổng sạc USB | Cổng USB 3.1 với công suất 10 W có khả năng sạc BC1.2 ở mức điện áp 2A (tối đa). |
| 9 | Đầu nối RJ-45 | Quản lý mạng lưới từ xa và điều khiển màn hình qua RJ-45. |

Nguồn đầu vào và kết nối USB



| Các nguồn đầu vào | Cổng USB kết nối với thiết bị chủ |
|-------------------|-----------------------------------|
| HDMI 1 | USB 1 |
| HDMI 2 | USB 2 |
| HDMI 3 | USB 3 |
| DP | |

Phía dưới



| Nhãn | Mô tả |
|------|-------------------|
| 1, 2 | Loa |
| 3 | Nút bật/tắt nguồn |



Thông số kỹ thuật màn hình

| | |
|---|--|
| Loại màn hình | Ma trận động - TFT LCD |
| Loại Pa nô | Công nghệ In-plane switching (IPS) |
| Tỉ lệ khung hình | 16:9 |
| Các chiều hình ảnh có thể xem được | |
| Chéo | 163.906 cm (64.53 inch) |
| Vùng hoạt động | |
| Ngang | 1428.5 mm (56.24 inch) |
| Dọc | 803.5 mm (31.63 inch) |
| Diện tích | 1147799.75 mm ² (1778.87 inch ²) |
| Độ lớn điểm ảnh | 0.372 mm x 0.372 mm |
| Điểm ảnh/inch (PPI) | 68 |
| Góc xem | |
| Ngang | 178° (điểm hình) |
| Dọc | 178° (điểm hình) |
| Độ sáng Pa nô | 350 cd/m ² (điểm hình) |
| Tỉ lệ tương phản | 1300 tới 1 (điểm hình) |
| Lớp phủ màn hình hiển thị | 7H, chống mờ, chống loá |
| Thời gian phản hồi | Thường là 9 mili giây (G đến G) |
| Độ sâu màu sắc | 1,07 tỉ màu |
| Độ rộng dải màu | NTSC (72%) |
| Kết nối | <ul style="list-style-type: none">• 1 x DP 1.2• 1 x USB Loại C (Chế độ thay thế với DisplayPort 1.2, Công suất lên tới 90 W)• 3 x HDMI 2.0• 4 x Cổng USB 3.1 kết nối với thiết bị (1 x cổng USB tích hợp tính năng sạc BC1.2 ở mức 2A (tối đa))• 3 x Cổng USB 3.1 kết nối với máy tính• 1 x Đường đầu ra audio 2.0 analog (giắc 3,5 mm)• 1 x RJ-45• 1 x RS232 |
| Độ rộng viền (từ mép màn hình tới vùng hoạt động) | 44.70 mm (1.76 inch) (trên) 44.70 mm (1.76 inch) (trái/phải) 44.70 mm (1.76 inch) (dưới) |



Cảm ứng

| | |
|---------------------|-------------------------------|
| Loại | Công Nghệ Cảm Biến InGlass™ |
| Phương thức đầu vào | Ngón tay và bút cảm ứng |
| Giao diện | Tương thích USB HID |
| Điểm chạm | Tối 20 điểm chạm Tối 4 bút |

LƯU Ý: Có sẵn khả năng phân biệt giữa các tương tác Cảm ứng, Bút và Tẩy (chức năng tùy thuộc vào ứng dụng).

Hệ điều hành hỗ trợ

| Hệ điều hành | Phiên bản | Cảm ứng | Bút | Tẩy |
|----------------------------------|---|-------------------------|-------|-------|
| Windows | 7 Pro và Ultimate | 20 | 4 | 1 |
| | 8, 8.1 | 20 | 4 | 1 |
| | 10 | 20 | 4 | 1 |
| Hệ điều hành Chrome | Hạt nhân Linux phiên bản 3.15 (3.10) hoặc mới hơn ¹ | 20 | 4 (0) | 1 (0) |
| Android | 4.4 (KitKat) với hạt nhân Linux 3.15 (3.10) hoặc mới hơn ¹ | 20 | 4 (0) | 1 (0) |
| Hệ điều hành dựa trên Linux khác | Hạt nhân Linux 3.15 hoặc mới hơn | 20 | 4 | 1 |
| macOS | 10.10, 10.11 | 1 (chuột ²) | | không |

¹ Chức năng hạt nhân Linux đã được chứng nhận trên Ubuntu 14.04 và Debian 8. Khuyến cáo nên sử dụng Chrome OS và Android Linux kernel 3.15 hoặc phiên bản mới hơn.

² Mô phỏng chuột ở chế độ Landscape. Cảm ứng đa điểm chạm yêu cầu trình điều khiển bổ sung trên hệ thống chủ.

Độ chính xác đầu vào cảm biến cảm ứng

| | | Điện hình ¹ | Tối đa ² | Đơn vị |
|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------|---------------------|--------|
| Độ chính xác đầu vào cảm biến cảm ứng | Vùng trung tâm ³ | 1,0 | 1,5 | mm |
| | Vùng cạnh ⁴ | 1,2 | 2,0 | mm |

¹ Độ chính xác trung bình tại vùng đầu vào cụ thể.

² Độ chính xác 95% tại vùng đầu vào cụ thể.

³ >20 mm từ cạnh vùng cảm ứng hoạt động

⁴ >20 mm từ vùng cảm ứng hoạt động

Lưu ý rằng độ chính xác đầu vào cảm biến cảm ứng được xác định tương đối với vùng cảm ứng hoạt động định nghĩa trong bảng tham chiếu (liệt kê trong 8.1). Độ chính xác hệ thống tổng quát của tọa độ cảm ứng so với tọa độ màn hình bị ảnh hưởng trực tiếp bởi độ dung sai khi lắp ráp hoàn chỉnh.



Thông số kỹ thuật loa

| | |
|------------------------|-----------------|
| Công suất định mức loa | 2 x 20 W |
| Đáp ứng tần số | 120 Hz - 20 kHz |
| Trở kháng | 8 ohm |

Thông số độ phân giải

| | |
|--|---------------------------------------|
| Phạm vi quét ngang | 30 kHz đến 140 kHz (DP/HDMI) |
| Phạm vi quét dọc | 24 Hz đến 75 Hz (DP/HDMI) |
| Độ phân giải cài sẵn tối đa | 3840 x 2160 ở 60 Hz |
| Khả năng hiển thị video (Phát lại DP & HDMI) | 480p, 576p, 720p, 1080i, 1080p, 2160p |

Các chế độ hiển thị cài sẵn

| Chế độ hiển thị | Tần số ngang (kHz) | Tần số dọc (Hz) | Pixel Clock (MHz) | Phân cực đồng bộ (ngang/ dọc) |
|-----------------|--------------------|-----------------|-------------------|-------------------------------|
| 720 x 400 | 31,5 | 70,0 | 28,3 | -/+ |
| 640 x 480 | 31,5 | 60,0 | 25,2 | -/- |
| 640 x 480 | 37,5 | 75,0 | 31,5 | -/- |
| 800 x 600 | 37,9 | 60,0 | 40,0 | +/+ |
| 800 x 600 | 46,9 | 75,0 | 49,5 | +/+ |
| 1024 x 768 | 48,4 | 60,0 | 65,0 | -/- |
| 1024 x 768 | 60,0 | 75,0 | 78,8 | +/+ |
| 1152 x 864 | 67,5 | 75,0 | 108,0 | +/+ |
| 1280 x 800 | 49,3 | 60,0 | 71,0 | +/+ |
| 1280 x 1024 | 64,0 | 60,0 | 108,0 | +/+ |
| 1280 x 1024 | 80,0 | 75,0 | 135,0 | +/+ |
| 1600 x 1200 | 75,0 | 60,0 | 162,0 | -/+ |
| 1920 x 1080 | 67,5 | 60,0 | 193,5 | +/+ |
| 2048 x 1152 | 71,6 | 60,0 | 197,0 | +/- |
| 2560 x 1440 | 88,8 | 60,0 | 241,5 | +/- |
| 3840 x 2160 | 65,68 | 30,0 | 262,75 | +/+ |
| 3840 x 2160 | 133,313 | 60,0 | 533,25 | +/+ |



Thông số điện

| | |
|----------------------------------|---|
| Tín hiệu đầu vào video | <ul style="list-style-type: none">• Tín hiệu video kỹ thuật số với mỗi đường dây riêng• Trên mỗi đường dây riêng ở trở kháng 100 ohm• Hỗ trợ đầu vào DP/HDMI/USB Loại C |
| Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào | 100-240 VAC / 50 hoặc 60 Hz \pm 3 Hz / 6.0 A (tối đa) |
| Điện áp/tần số/dòng điện đầu ra | 100-240 VAC / 50 hoặc 60 Hz \pm 3 Hz / 2 A (tối đa) |
| Dòng điện xung kích | 120 V: 42 A (tối đa) ở 0 °C (khởi động nguội) 240 V: 80 A (tối đa) ở 0 °C (khởi động nguội) |
| Mức tiêu thụ điện | 0,3 W (Chế Độ Tắt) ¹ 0,3 W (Chế Độ Chờ) ¹ 92,9 W (Chế Độ Bật) ¹ 350 W (tối đa) ² 89,3 W (P_{on}) ³ Không áp dụng (TEC) ³ |

¹ Theo như được chỉ định tại EU 2019/2021 và EU 2019/2013.

² Cài đặt độ tương phản và độ sáng tối đa kèm theo đó là mức tải điện cao nhất trên tất cả các cổng USB.

³ P_{on} : Mức tiêu thụ điện của chế độ bật như quy định trong phiên bản Energy Star 8.0.

TEC: Tổng mức tiêu thụ năng lượng bằng kWh như quy định trong phiên bản Energy Star 8.0.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động ở phòng thí nghiệm. Sản phẩm có thể hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào phần mềm, các linh kiện và thiết bị ngoại vi mà quý khách đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này. Do đó, quý khách không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách khác. Không có bảo đảm về độ chính xác hoặc sự hoàn chỉnh của sản phẩm được nêu rõ hay ngụ ý.

 LƯU Ý: Màn hình này đã được Chứng nhận ENERGY STAR.



Sản phẩm này đủ điều kiện ENERGY STAR trong thiết đặt gốc. Bạn có thể khôi phục thiết đặt này qua chức năng "Đặt lại thiết đặt gốc" trong menu OSD. Việc thay đổi thiết đặt gốc hoặc bật các tính năng khác có thể tăng mức tiêu thụ năng lượng, vượt quá giới hạn ENERGY STAR đã định.



Đặc tính vật lý

| | |
|-------------------------------|--|
| Loại đầu kết nối | <ul style="list-style-type: none">• Đầu kết nối DP• Đầu kết nối USB Loại C• Đầu kết nối HDMI• Đường ngõ ra âm thanh• Đầu kết nối USB 3.1• Đầu nối RJ-45• Đầu nối RS232 |
| Loại cáp tín hiệu (trong hộp) | DP, cáp 3 m HDMI, cáp 3 m USB, cáp 3.1, 3 m USB Loại C, cáp 1.8 m |
| Kích thước các chiều | |
| Chiều cao | 892,92 mm (35,15 inch) |
| Chiều rộng | 1517,88 mm (59,76 inch) |
| Chiều dày | 78,7 mm (3,10 inch) |
| Trọng lượng | |
| Trọng lượng đóng gói | 55,5 kg (122,36 lb) |
| Trọng lượng không đóng gói | 45,2 kg (99,65 lb) |



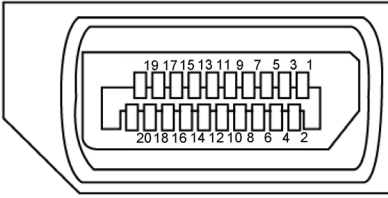
Đặc tính môi trường

| | |
|--|-------------------------------------|
| Các tiêu chuẩn đáp ứng | |
| <ul style="list-style-type: none">• Màn hình được chứng nhận ENERGY STAR• Đáp ứng tiêu chuẩn RoHS | |
| Nhiệt độ | |
| Vận hành | 0 °C đến 40 °C (32 °F đến 104 °F) |
| Không vận hành | -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F) |
| Độ ẩm | |
| Vận hành | 10% đến 80% (không ngưng tụ) |
| Không vận hành | 5% đến 90% (không vận hành) |
| Độ cao | |
| Vận hành | 5000 m (16,404 ft) (tối đa) |
| Không vận hành | 12,192 m (40,000 ft) (tối đa) |
| Tản nhiệt | |
| | 1194, 25 BTU/giờ (tối đa) |
| | 316, 99 BTU/giờ (Chế Độ Bật) |



Chức năng của các chân (pin)

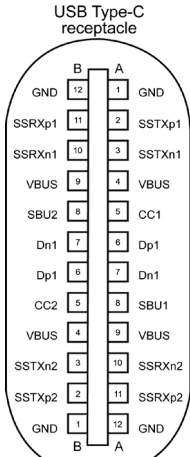
Đầu nối DP



| Số chân (pin) | Đầu 20 chân của cáp tín hiệu được kết nối |
|---------------|---|
| 1 | ML3(n) |
| 2 | GND |
| 3 | ML3(p) |
| 4 | ML2(n) |
| 5 | GND |
| 6 | ML2(p) |
| 7 | ML1(u) |
| 8 | GND |
| 9 | ML1(p) |
| 10 | ML0(n) |
| 11 | GND |
| 12 | ML0(p) |
| 13 | CONFIG1/(GND) |
| 14 | CONFIG2/(GND) |
| 15 | AUX CH (p) |
| 16 | DP_Cable Detect |
| 17 | AUX CH (n) |
| 18 | Dò cảm nóng |
| 19 | GND |
| 20 | +3,3V DP_PWR |



Đầu cắm USB Loại C

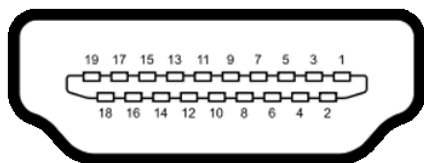


typically connected to a charger through a Type-C cable

| Chốt | Gán Tín Hiệu | Chốt | Gán Tín Hiệu |
|------------|--------------|------------|--------------|
| A1 | GND | B12 | GND |
| A2 | SSTXp1 | B11 | SSRXp1 |
| A3 | SSTXn1 | B10 | SSRXn1 |
| A4 | VBUS | B9 | VBUS |
| A5 | CC1 | B8 | SBU2 |
| A6 | Dp1 | B7 | Dn1 |
| A7 | Dn1 | B6 | Dp1 |
| A8 | SBU1 | B5 | CC2 |
| A9 | VBUS | B4 | VBUS |
| A10 | SSRXn2 | B3 | SSTXn2 |
| A11 | SSRXp2 | B2 | SSTXp2 |
| A12 | GND | B1 | GND |



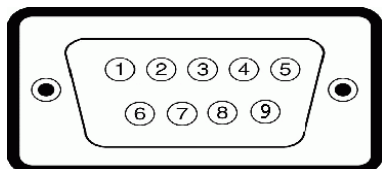
Đầu kết nối HDMI



| Số chân | Đầu 19 chân của cáp tín hiệu được kết nối |
|---------|---|
| 1 | TMDS DATA 2+ |
| 2 | TMDS DATA 2 SHIELD |
| 3 | TMDS DATA 2- |
| 4 | TMDS DATA 1+ |
| 5 | TMDS DATA 1 SHIELD |
| 6 | TMDS DATA 1- |
| 7 | TMDS DATA 0+ |
| 8 | TMDS DATA 0 SHIELD |
| 9 | TMDS DATA 0- |
| 10 | TMDS CLOCK+ |
| 11 | TMDS CLOCK SHIELD |
| 12 | TMDS CLOCK- |
| 13 | CEC |
| 14 | Dự trữ (N.C. trên thiết bị) |
| 15 | DDC CLOCK (SCL) |
| 16 | DDC DATA (SDA) |
| 17 | DDC/CEC Ground |
| 18 | +5 V POWER |
| 19 | HOT PLUG DETECT |



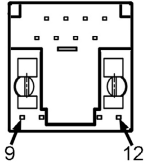
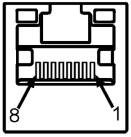
Đầu nối RS232



| Số chân | Đầu 9 chân của cáp tín hiệu được kết nối |
|---------|--|
| 1 | Không sử dụng |
| 2 | RX |
| 3 | TX |
| 4 | Không sử dụng |
| 5 | GND |
| 6 | Không sử dụng |
| 7 | Không sử dụng |
| 8 | Không sử dụng |
| 9 | Không sử dụng |



Đầu nối RJ-45



| Số chân (pin) | Đầu 12 chân của cáp tín hiệu được kết nối |
|---------------|---|
| 1 | D+ |
| 2 | RCT |
| 3 | D- |
| 4 | D+ |
| 5 | RCT |
| 6 | D- |
| 7 | GND |
| 8 | GND |
| 9 | LED2_Y+ |
| 10 | LED2_Y- |
| 11 | LED2_G+ |
| 12 | LED2_G- |



Bus tuần tự đa năng (USB)

Phần này cung cấp thông tin về các cổng USB có sẵn trên màn hình của bạn.

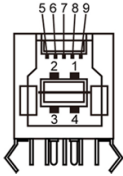
Máy tính của bạn có các cổng USB sau đây:

- 3 cổng USB 3.1 kết nối với máy tính
- 4 cổng USB 3.1 kết nối với thiết bị cá nhân (1 Cổng sạc USB)

LƯU Ý: Các cổng USB trên màn hiển thị hình chỉ hoạt động khi màn hình hiển thị đang được bật hoặc ở chế độ chờ. Nếu bạn tắt và bật lại màn hình hiển thị, các thiết bị ngoại vi cắm vào sẽ mất vài giây để hoạt động bình thường trở lại.

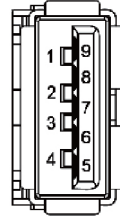
| Tốc độ truyền | Tốc độ truyền tải dữ liệu | Tiêu thụ điện năng |
|-------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Siêu tốc (SuperSpeed) | 5 Gb/giây | 4,5 W (tối đa, mỗi cổng) |
| Tốc độ cao (Hi-Speed) | 480 Mb/giây | 4,5 W (tối đa, mỗi cổng) |
| Tốc độ toàn phần (Full speed) | 12 Mb/giây | 4,5 W (tối đa, mỗi cổng) |

Cổng kết nối với máy tính USB 3.1



| Số chân | Tên tín hiệu |
|---------|--------------|
| 1 | VBUS |
| 2 | D- |
| 3 | D+ |
| 4 | GND |
| 5 | StdB_SSTX- |
| 6 | StdB_SSTX+ |
| 7 | GND_DRAIN |
| 8 | StdB_SSRX- |
| 9 | StdB_SSRX+ |
| Shell | Shield |

Cổng kết nối với thiết bị ngoại vi USB 3.1



| Số chân | Tên tín hiệu |
|---------|--------------|
| 1 | VBUS |
| 2 | D- |
| 3 | D+ |
| 4 | GND |
| 5 | StdA_SSRX- |
| 6 | StdA_SSRX+ |
| 7 | GND_DRAIN |
| 8 | StdA_SSTX- |
| 9 | StdA_SSTX+ |
| Shell | Shield |



Tính năng Cắm là chạy

Bạn có thể cài đặt hiển thị trong bất kỳ hệ thống nào tương thích với tính năng Cắm là chạy. Hiển thị sẽ tự động cung cấp hệ thống máy tính những dữ liệu xác định hiển thị mở rộng (EDID) sử dụng các giao thức DDC – kênh dữ liệu hiển thị, do đó máy tính có thể tự thiết lập cấu hình và tối ưu hoá các cài đặt hiển thị. Hầu hết các cài đặt hiển thị đều tự động; bạn có thể lựa chọn các cài đặt khác nhau theo ý muốn. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi cài đặt hiển thị, vui lòng xem tài [Cách vận hành màn hình của bạn](#).

Chất lượng màn hình LCD và Chính sách Pixel

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, thông thường sẽ có một hoặc nhiều điểm ảnh (pixel) cố định ở trạng thái không đổi, rất khó nhìn thấy được cũng như không ảnh hưởng tới chất lượng và việc sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính sách Pixel cho Màn hình LCD, vui lòng xem trang hỗ trợ Dell tại: <http://www.dell.com/support/monitors>.

Hướng dẫn bảo trì

Vệ sinh màn hình của bạn



CẢNH BÁO: Trước khi vệ sinh màn hình, tháo dây cáp nguồn màn hình khỏi ổ cắm điện.



THẬN TRỌNG: Đọc và làm theo [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.

Để đạt kết quả tốt nhất, làm theo hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở gói, vệ sinh, hoặc cầm giữ màn hình của bạn màn hình của bạn:

- Để làm sạch màn hình chống tĩnh điện của bạn, làm ẩm miếng vải mềm, sạch bằng nước. Nếu có thể, hãy sử dụng khăn giấy chuyên lau màn hình hoặc dung dịch phù hợp với lớp chống tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, ammoniac, chất tẩy rửa ăn mòn, hoặc khí nén.
- Sử dụng một miếng vải mềm, hơi ẩm để làm sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào bởi một số chất tẩy rửa để lại lớp màng trắng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy bột trắng khi mở gói màn hình, hãy lau nó đi bằng một miếng vải.
- Giữ màn hình của bạn hết sức cẩn thận bởi màn hình màu tối thường dễ bị xước và để lộ vết trắng so với màn hình có màu sáng hơn.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, sử dụng một trình bảo vệ màn hình thay đổi thường xuyên và tắt màn hình của bạn khi không sử dụng.



Cách thiết lập màn hình

Kết nối màn hình

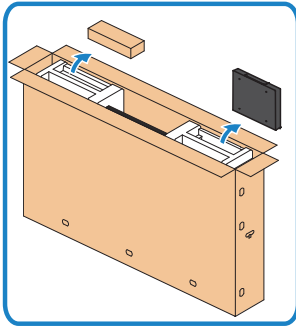
! **CẢNH BÁO:** Trước khi bạn bắt đầu thực hiện bất kỳ thao tác nào trong phần này, cần tuân thủ **Hướng dẫn an toàn**.

Để kết nối màn hình với máy tính:

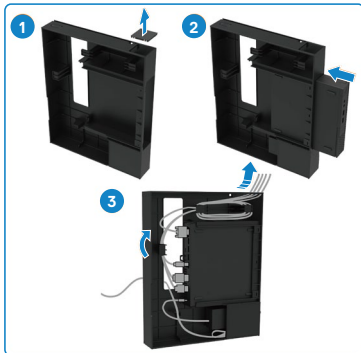
1. Tắt máy tính.
2. Kết nối cáp HDMI/DP/USB Loại C/USB từ màn hình vào máy tính.
3. Bật màn hình.
4. Lựa chọn đúng nguồn đầu vào tại Bảng tùy chọn Hiển Thị Trên Màn hình và bật máy tính.

Optiplex (tùy chọn)

Lắp ráp Optiplex

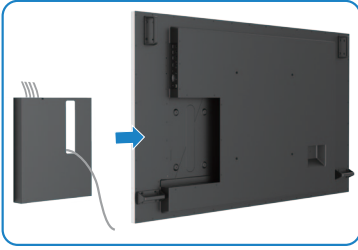


- Mở hộp, lấy đế đựng Optiplex và hộp phụ kiện ra.
- Các phụ kiện kèm theo: Cáp, Điều Khiển Từ Xa & Pin, Đế đựng điều khiển từ xa, Kẹp dây và sách hướng dẫn.



1. Tháo nắp khe nối cáp.
2. Lắp máy tính Optiplex và adapter nguồn vào bộ phận tương ứng.
3. Cắm cáp và sắp đặt cáp bằng móc giữ cáp được tích hợp trong hộp Optiplex.

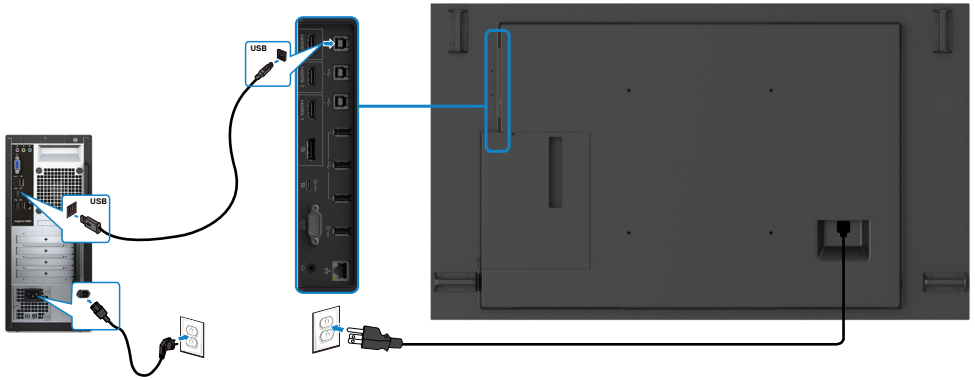




- Lắp khay đỡ Optiplex vào lại màn hình.

Kết nối PC ngoài

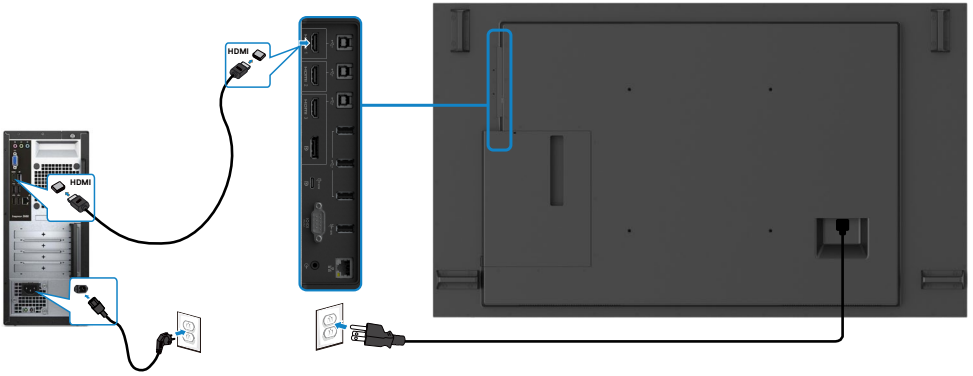
Kết nối cáp USB



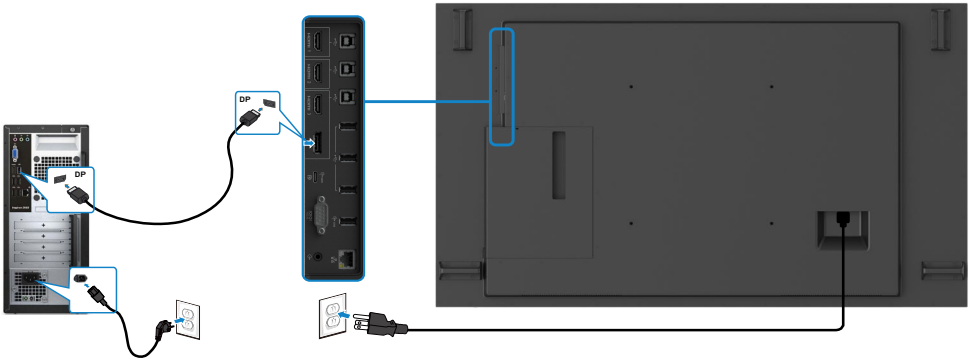
LƯU Ý: Xem phần hướng dẫn về [nguồn đầu vào và kết nối USB](#).



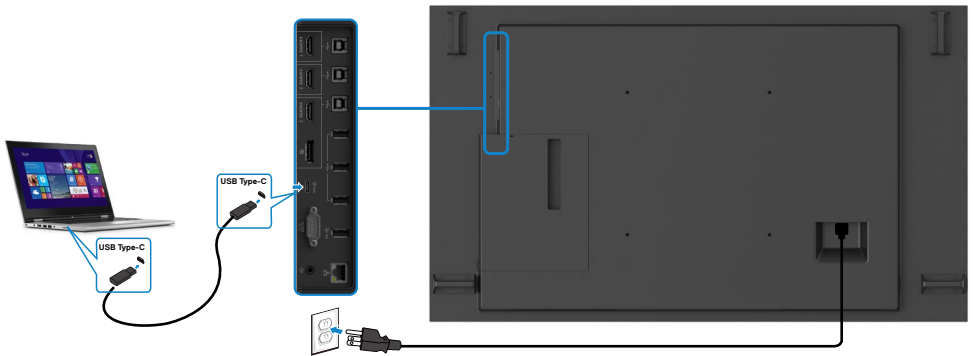
Kết nối cáp HDMI



Kết nối cáp DP

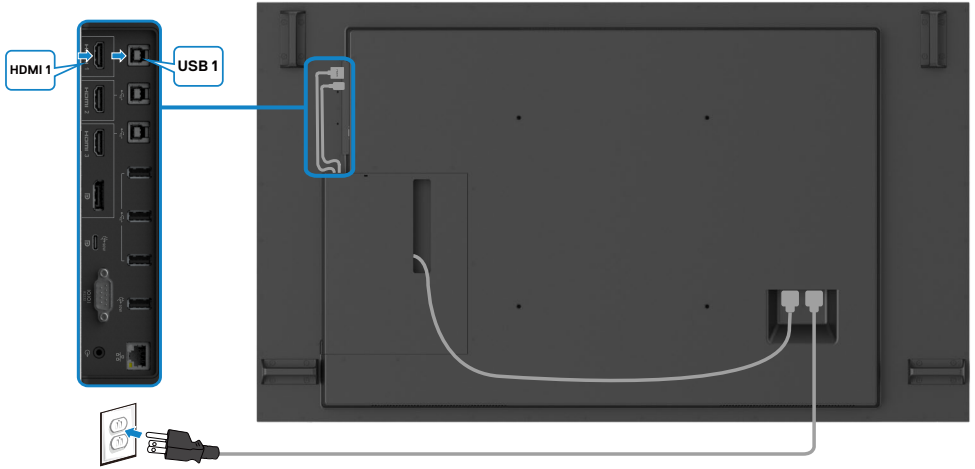


Kết nối cáp USB Loại C

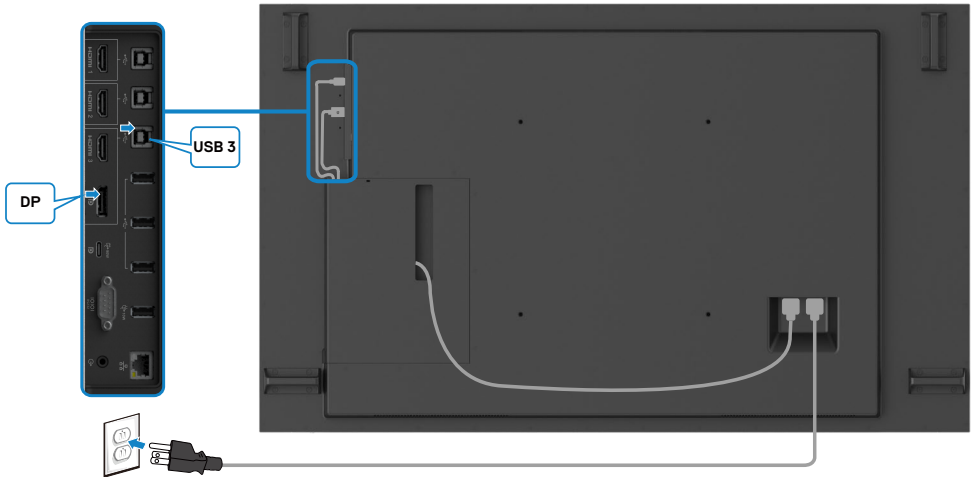


Kết nối Optiplex

Kết nối cáp HDMI



Kết nối cáp DP

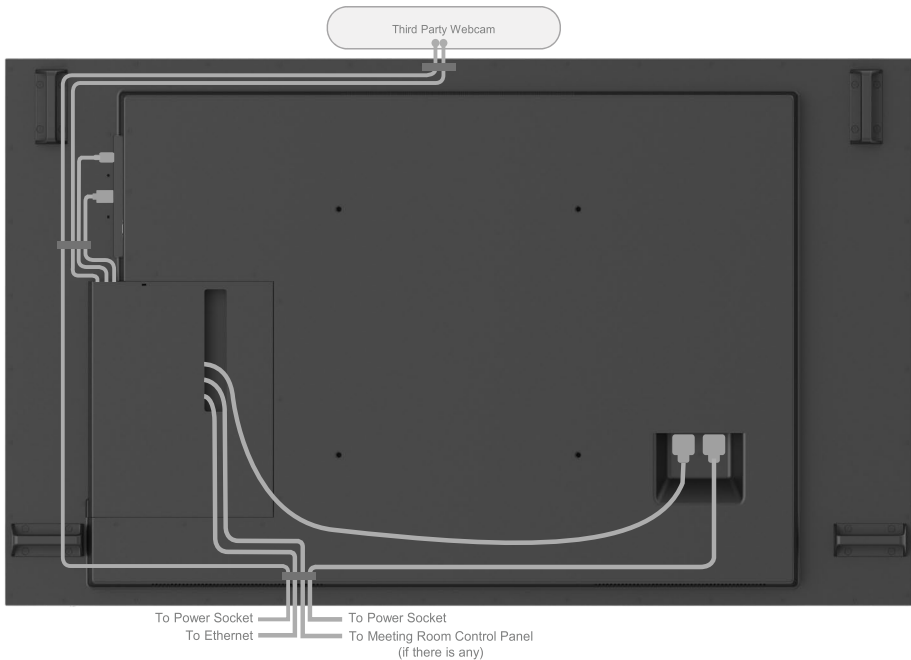


Sắp đặt cáp gọn gàng cho webcam bên thứ ba bằng OptiPlex (Tùy chọn)

LƯU Ý: Các clip sắp đặt cáp được cung cấp trong hộp phụ kiện, bạn có thể sử dụng chúng để sắp đặt (các) dây cáp của webcam bên thứ ba hoặc các thiết bị ngoại vi khác. Các hình ảnh dưới đây minh họa các vị trí phù hợp để đặt các clip cáp và webcam bên thứ ba thông qua OptiPlex.



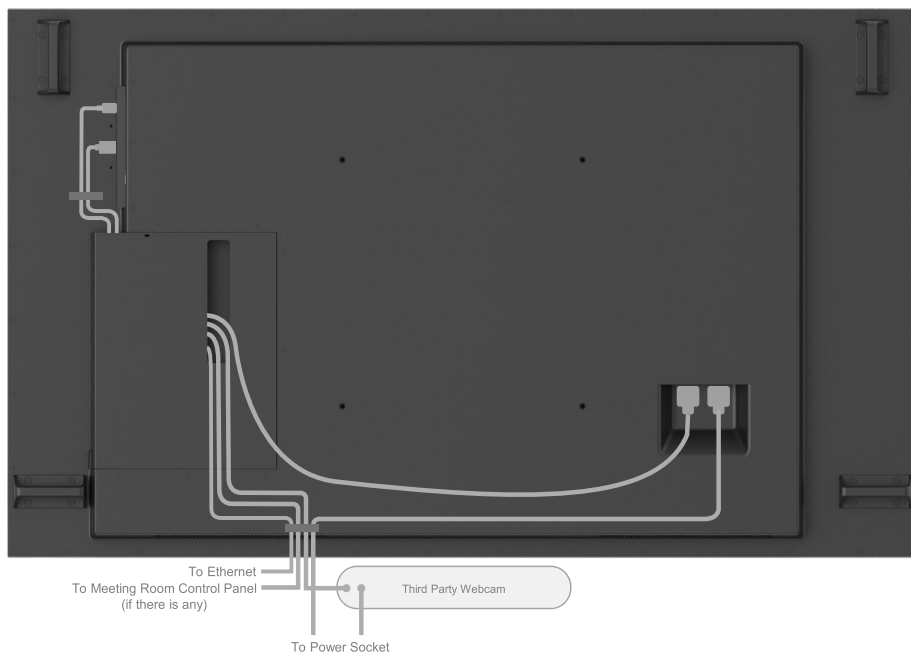
Treo phía trên - Gợi ý vị trí đặt clip



Note: Actual product back layout might vary depends on the model.



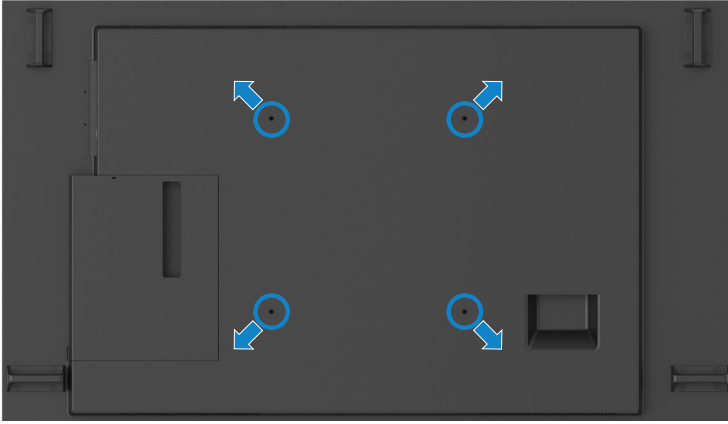
Treo phía dưới - Gợi ý vị trí đặt clip



Note: Actual product back layout might vary depends on the model.



Lắp khung treo tường(Tuỳ chọn)



(Kích cỡ vít: M8 x 35 mm).

Xem phần hướng dẫn lắp đặt của nhà phân phối khung treo tường bên thứ ba mà khách hàng mua. Khung treo kích cỡ chuẩn VESA (400 x 400) mm.

1. Lắp Mặt Ốp Tường lên Tường.
2. Đặt Pa Nô màn hình lên một tấm vải hoặc thảm mềm trên mặt bàn phẳng và vững chắc.
3. Gắn khung treo vào màn hình.
4. Lắp Màn hình vào Mặt Ốp Tường.
5. Đảm bảo màn hình được treo thẳng đứng và không bị nghiêng trước hoặc sau, sử dụng thước cân bằng nước để hỗ trợ việc treo màn hình.

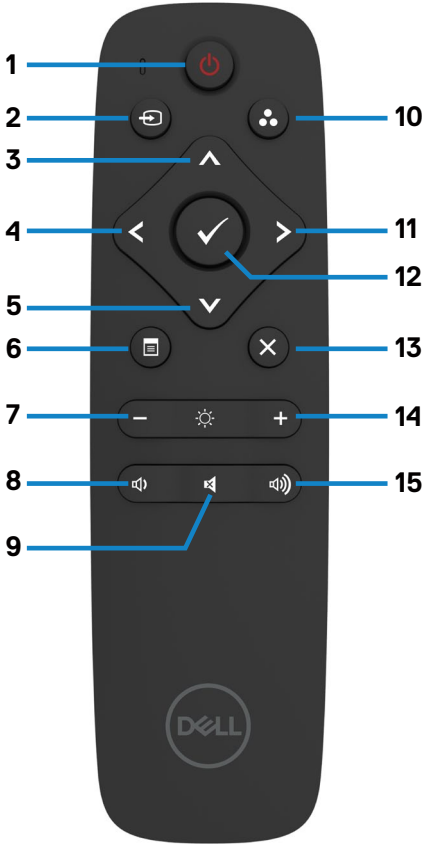
LƯU Ý:

- Không được cố gắng tự lắp Màn hình Cảm ứng lên tường. Phải để một thợ lắp đặt có trình độ chuyên môn thực hiện việc này.
- Bạn có thể tìm thấy thông tin về Khung treo Tường để xuất cho Màn hình này trên trang web hỗ trợ của Dell tại dell.com/support.

 LƯU Ý: Chỉ sử dụng với giá treo tường được chứng nhận UL hoặc CSA hoặc GS có trọng lượng/tải trọng tối thiểu chịu được sản phẩm.





Điều khiển từ xa



1. Bật/Tắt

Bật/Tắt màn hình.

2. Nguồn đầu vào

Lựa chọn nguồn đầu vào. Ấn nút  hoặc  để lựa chọn nguồn từ USB Loại C hoặc DP hoặc HDMI 1 hoặc HDMI 2 hoặc HDMI 3.

Ấn  nút để xác nhận và thoát.

3. Lên

Nhấn để chuyển lựa chọn lên trên bảng tùy chọn hiển thị.

4. Trái

Nhấn để chuyển lựa chọn sang trái trên bảng tùy chọn hiển thị.

5. Dưới

Nhấn để chuyển lựa chọn xuống dưới trên bảng tùy chọn hiển thị.

6. Menu

Nhấn để bật bảng tùy chọn hiển thị.

7. Độ sáng-

Nhấn để giảm Độ sáng.

8. Âm lượng-

Nhấn để giảm Âm lượng.

9. TẮT TIẾNG

Nhấn để bật/tắt chế độ tắt tiếng.

10. Chế độ Cài sẵn

Hiển thị thông tin về Chế độ cài sẵn.

11. Phải

Nhấn để chuyển lựa chọn sang phải trên bảng tùy chọn hiển thị.

12. OK

Xác nhận trường hoặc lựa chọn.

13. Thoát

Nhấn để thoát khỏi Menu.

14. Độ sáng+

Nhấn để tăng Độ sáng.

15. Âm lượng+

Nhấn để tăng Âm lượng.

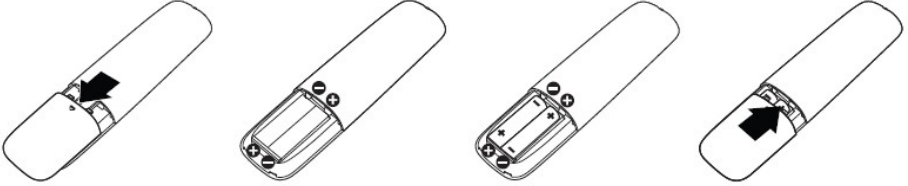


Lắp pin cho điều khiển từ xa

Điều khiển từ xa sử dụng hai cục pin 1,5V AAA.

Lắp hoặc tháo pin:

1. Ấn và trượt nắp để mở.
2. Xếp pin theo chỉ dẫn cực (+) và (-) bên trong khoang chứa pin.
3. Lắp lại nắp.



⚠ THẬN TRỌNG: Sử dụng pin sai cách có thể dẫn tới rò rỉ hoặc nổ pin. Đảm bảo tuân thủ các chỉ dẫn sau:

- Lắp pin “AAA” với các cực (+) và (-) trên mỗi cục pin tương ứng với các cực (+) và (-) trên khoang chứa pin.
- Không đồng thời sử dụng nhiều loại pin khác nhau.
- Không sử dụng đồng thời pin cũ và pin mới. Điều này dẫn tới tình trạng tuổi thọ pin ngắn hơn hoặc rò rỉ điện trên pin.
- Lập tức thay thế pin chết nhằm hạn chế tình trạng chảy nước trong khoang chứa pin. Không sờ vào dung dịch a-xít bị rò rỉ trên pin, bởi vì nó có thể gây hại cho da của bạn.

✍ LƯU Ý: Nếu bạn không sử dụng điều khiển từ xa trong một thời gian dài, hãy tháo pin.

Cách sử dụng điều khiển từ xa

- Không để điều khiển từ xa chịu va đập mạnh.
- Không để nước hay các dung dịch khác tiếp xúc với điều khiển từ xa. Nếu điều khiển từ xa bị dính nước, lập tức lau khô.
- Tránh tiếp xúc với nhiệt độ cao và hơi nước.
- Nếu không vì mục đích thay lắp pin, không tháo rời điều khiển từ xa.

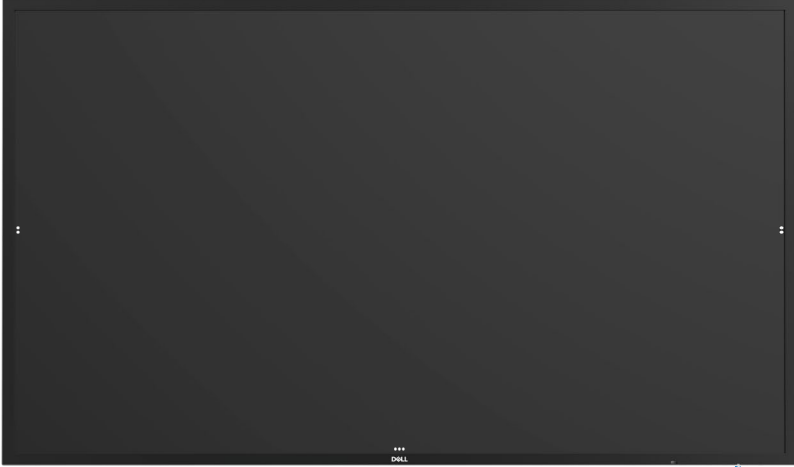


Phạm vi hoạt động của điều khiển từ xa

Hướng phần đầu của điều khiển từ xa tới bộ cảm biến từ xa của màn hình LCD khi bấm nút.

Sử dụng điều khiển từ xa trong phạm vi 7 m tính từ bộ cảm biến của điều khiển từ xa hoặc ở góc ngang hoặc thẳng 22,5°, trong phạm vi 7 m.

LƯU Ý: Điều khiển từ xa có thể không hoạt động tốt khi bộ cảm biến điều khiển từ xa trên màn hình bị đặt dưới ánh nắng trực tiếp hoặc ánh sáng mạnh, hoặc khi có vật chắn trong đoạn truyền tín hiệu.



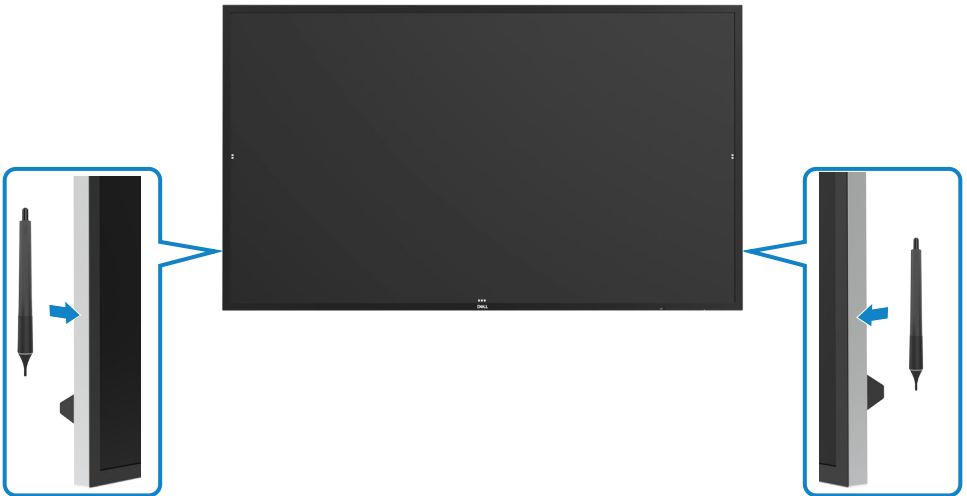
Cảnh Báo Từ Tính

Không được sử dụng gần với máy điều hòa nhịp tim. Theo khuyến cáo của nhà sản xuất và nhóm nghiên cứu độc lập, sản phẩm phải cách máy điều hòa nhịp tim tối thiểu 15cm (6 inch) để tránh bị nhiễu tín hiệu. Nếu có lý do để nghi ngờ rằng sản phẩm của bạn đang gây nhiễu tín hiệu của máy điều hòa nhịp tim hoặc thiết bị y tế khác, phải cách ly bút ngay lập tức và liên hệ với nhà sản xuất máy điều hòa nhịp tim hoặc thiết bị y tế để được hướng dẫn.

Sử dụng bút

Phạm vi từ tính

Khi không sử dụng, đặt bút (mặt đậy) lên bề mặt trái hoặc phải của khung màn hình.

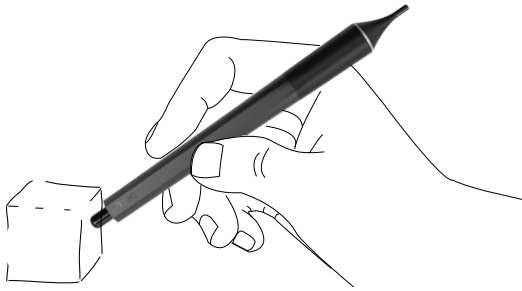


Đầu Xóa và Đầu Viết của Bút

Đầu có đường kính nhỏ hơn là để viết lên màn hình. Cách cầm bút cũng giống như cách cầm bút dạ thông thường.

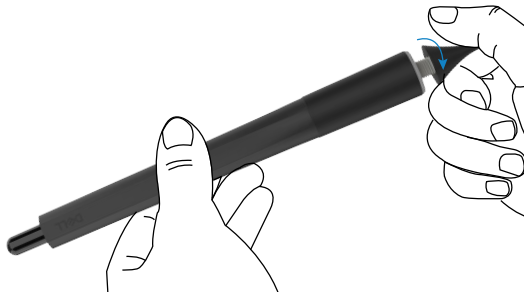


Đầu có đường kính lớn hơn là để xóa, cũng giống như chiếc bút chì có một đầu với chức năng tẩy.



Thay đầu bút

Khi đầu có đường kính nhỏ hơn có dấu hiệu bị mòn, có thể thay thế bằng cách tháo vít tại vị trí ngòi bút phía trước.



Cách vận hành màn hình

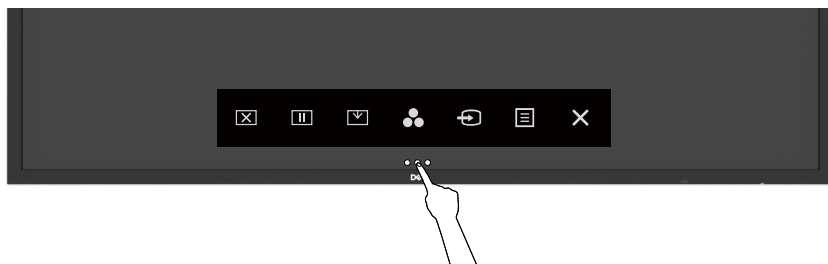
Bật Màn hình

Nhấn nút Nguồn ● để Bật và Tắt màn hình hiển thị. Đèn LED trắng cho biết màn hình hiển thị đang Bật và hoạt động bình thường. Đèn LED trắng sáng cho biết đang ở Chế Độ Chờ.



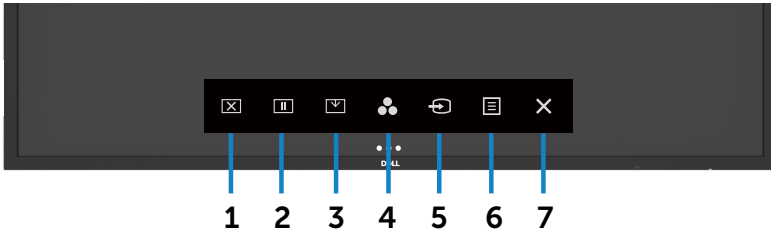
Màn hình OSD cảm ứng

Màn hình cung cấp các chức năng tùy chọn OSD cảm ứng. Nhấn phím cảm ứng OSD của màn hình tùy chọn hiển thị để lựa chọn các chức năng.



Sử dụng Màn hình điều khiển cảm ứng

Sử dụng các biểu tượng tùy chỉnh cảm ứng ở phía trước màn hình để thay đổi đặc điểm hình ảnh được hiển thị. Khi sử dụng những biểu tượng này để thay đổi các tùy chỉnh, bảng OSD sẽ hiển thị các giá trị số của đặc điểm tương ứng với các thay đổi.



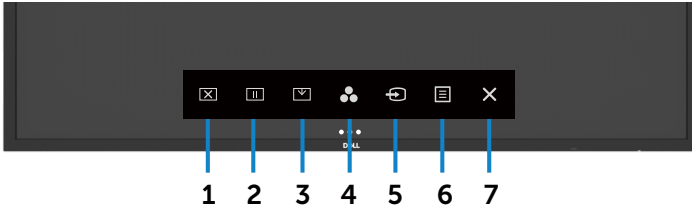
Bảng sau đây mô tả đầy đủ các biểu tượng tùy chỉnh cảm ứng:


| Biểu tượng | Điều khiển cảm ứng | Mô tả |
|------------|---|---|
| 1 |  | Sử dụng biểu tượng này để chuyển màn màu hình thành trắng hoặc đen. Tới Menu để lựa chọn chế độ tắt màu màn hình. Sử dụng phím cảm ứng  để hoàn tác. |
| 2 |  | Đóng băng màn hình khi ấn nút/kích hoạt chế độ. Sử dụng phím cảm ứng  để hoàn tác. |
| 3 |  | Thả màn hình xuống để bạn có thể dễ dàng với lên phần phía trên của ảnh. Sử dụng phím cảm ứng  để hoàn tác. |
| 4 |  | Sử dụng biểu tượng này để lựa chọn từ danh sách các chế độ màu sắc cài sẵn. |
| 5 |  | Sử dụng biểu tượng này để lựa chọn từ danh sách các Nguồn đầu vào. |
| 6 |  | Sử dụng biểu tượng Menu để chạy hiển thị trên màn hình (OSD) và lựa chọn Menu OSD. Xem thêm Truy cập Hệ thống Menu . |
| 7 |  | Sử dụng biểu tượng này để quay trở lại bảng lựa chọn chính hoặc thoát khỏi bảng lựa chọn tùy chỉnh hiển thị chính. |

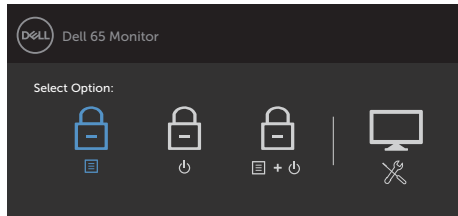


Dùng chức năng khóa OSD





1. Ấn phím cảm ứng trình khởi chạy OSD.




2. Chạm và ấn  trong 5 giây. Bạn có thể thấy tùy chọn lựa chọn sau:

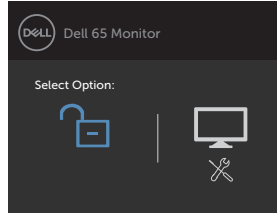


Bảng sau đây mô tả đầy đủ các biểu tượng tùy chỉnh cảm ứng:

| Tùy chọn | Mô tả |
|---|---|
| 1  Khóa menu OSD | Dùng biểu tượng này để khóa chức năng menu OSD. |
| 2  Khóa nút tắt nguồn | Dùng biểu tượng này khóa nút nguồn để nó không bị tắt. |
| 3  Menu OSD và khóa nút nguồn | Dùng biểu tượng này để khóa menu OSD và nút nguồn để nó không bị tắt. |
| 4  Chẩn đoán Dựng sẵn | Dùng nút này để chạy chẩn đoán dựng sẵn, xem Chẩn đoán Dựng sẵn . |





3. Chạm và giữ  trong 5 giây, chạm  để mở khóa.

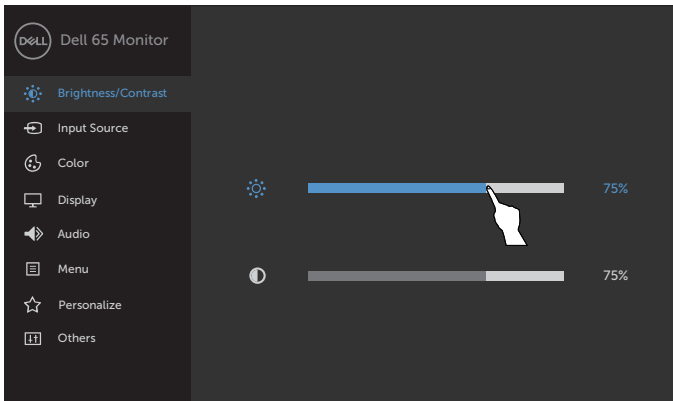


Các dùng menu hiển thị trên màn hình (OSD)

Truy cập Hệ thống menu

 **LƯU Ý:** Mọi thay đổi bạn thực hiện trên menu OSD đều được lưu trữ tự động nếu bạn chuyển sang một bảng lựa chọn hiển thị màn hình khác, thoát hoặc chờ bảng lựa chọn hiển thị màn hình tắt đi.







1. Nhấn biểu tượng  trên điều khiển từ xa hoặc phím cảm ứng trên màn hình bảng lựa chọn hiển thị màn hình để hiển thị bảng lựa chọn hiển thị màn hình.



Sử dụng những biểu tượng sau để tùy chỉnh các chế độ hình ảnh.

| Biểu tượng Điều khiển cảm ứng | Mô tả |
|-------------------------------|-------|
|-------------------------------|-------|



| | | | |
|---|--|--|---|
| 1 |  Lên |  Xuống | Sử dụng biểu tượng Lên (tăng) và Xuống (giảm) để tùy chỉnh các thông số trên Bảng lựa chọn hiển thị màn hình. |
| 2 |  Trái |  Phải | Sử dụng biểu tượng Trái (giảm) và Phải (tăng) để tùy chỉnh các thông số trên Bảng lựa chọn hiển thị màn hình. |
| 3 |  OK | | Sử dụng biểu tượng OK để xác nhận tùy chọn của bạn. |
| 4 |  Quay lại | | Sử dụng biểu tượng Quay lại để quay trở lại bảng lựa chọn trước. |



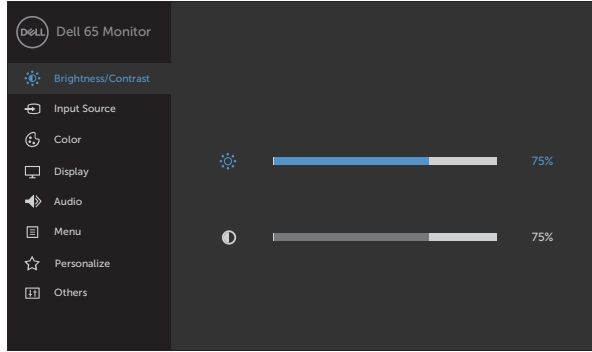
Điều khiển OSD cảm ứng

Biểu tượng **Menu và Menu con** **Mô tả**



Độ sáng/Độ Tương phản

Sử dụng menu này để kích hoạt điều chỉnh **Độ sáng/Độ Tương phản**.



Độ sáng



Độ sáng tùy chỉnh độ sáng của đèn nền (tối thiểu 0; tối đa 100).

Chạm vào biểu tượng  để tăng độ sáng.

Chạm vào biểu tượng  để giảm độ sáng.

Độ tương phản

Điều chỉnh **Độ sáng** trước, sau đó điều chỉnh **Độ tương phản** nếu cần điều chỉnh thêm.

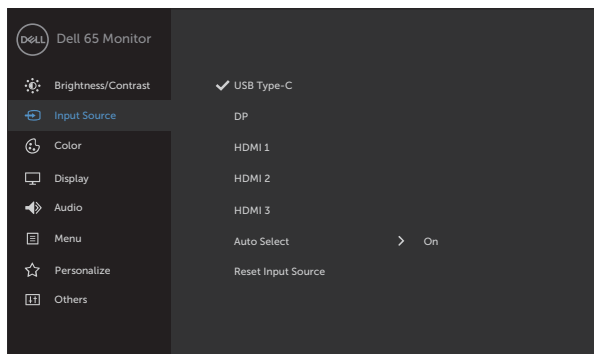
Chạm vào biểu tượng  để tăng độ tương phản và chạm vào biểu tượng  để giảm độ tương phản (trong khoảng từ 0 đến 100).

Độ Tương phản tùy chỉnh sự khác biệt giữa độ tối và sáng trên màn hình.





Nguồn đầu vào Sử dụng menu **Nguồn đầu vào** để lựa chọn giữa những Đầu vào khác nhau được kết nối với màn hình của bạn.



USB Loại C Chọn đầu vào **USB Loại C** khi bạn đang sử dụng đầu cắm USB Loại C.

DP Lựa chọn **DP** DP khi bạn sử dụng kết nối DP (DisplayPort).

HDMI 1 Lựa chọn đầu vào **HDMI 1** khi bạn sử dụng đầu kết nối HDMI 1.

HDMI 2 Lựa chọn đầu vào **HDMI 2** khi bạn sử dụng kết nối HDMI 2.

HDMI 3 Lựa chọn Đầu vào **HDMI 3** khi bạn sử dụng kết nối HDMI 3.

Tự động lựa chọn Lựa chọn **Tự động lựa chọn**, màn hình sẽ quét tìm nguồn đầu vào khả dụng.

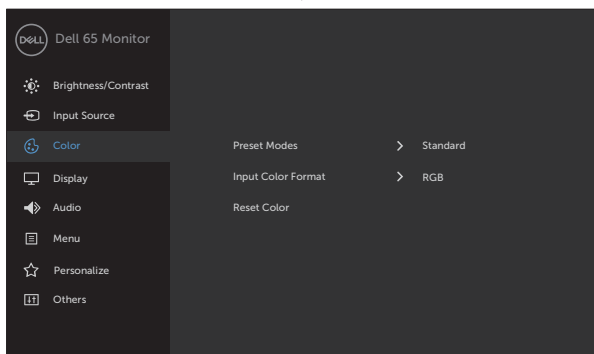
Thiết lập lại nguồn đầu vào Thiết lập lại các cài đặt **Nguồn đầu vào** của màn hình về các cài đặt mặc định khi xuất xưởng.



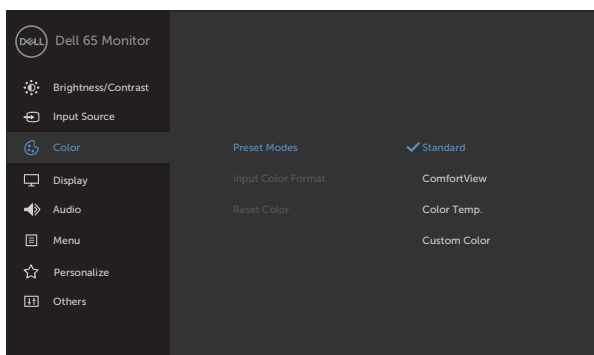


Màu sắc

Sử dụng menu **Màu sắc** để tùy chỉnh chế độ cài đặt màu sắc.



Chế độ cài sẵn Khi bạn lựa chọn **Chế độ cài sẵn**, bạn có thể lựa chọn chế độ **Tiêu chuẩn**, **ComfortView**, **Nhiệt độ Màu**, hoặc **Màu sắc Riêng** từ danh sách.



- **Tiêu chuẩn:** Cài đặt màu mặc định. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- **ComfortView:** Giảm mức độ ánh sáng xanh phát ra từ màn hình, giúp thoải mái hơn cho mắt khi nhìn màn hình.

LƯU Ý: Nhằm giảm nguy cơ của tình trạng căng mắt và đau cổ/tay/lưng/vai do sử dụng màn hình trong một thời gian dài, chúng tôi khuyến cáo bạn:

- Đặt màn hình cách mắt khoảng từ 20 đến 28 inch (50-70 cm).
- Thường xuyên chớp mắt để làm ẩm mắt khi làm việc với màn hình.
- Thường xuyên nghỉ ngơi 20 phút sau mỗi 2 giờ làm việc.



| Biểu tượng | Menu và Menu con | Mô tả |
|------------|------------------|-------|
|------------|------------------|-------|

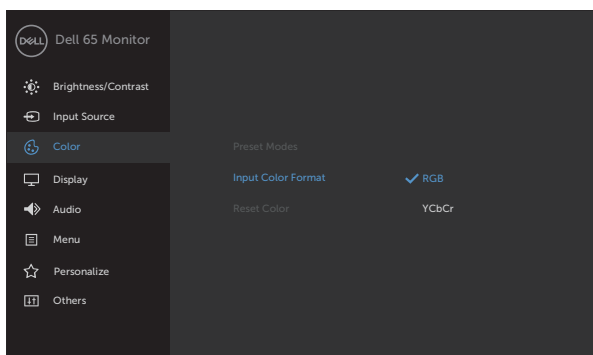
- Rời mắt khỏi màn hình và nhìn một vật cách xa 6,09 m (20 ft) trong vòng tối thiểu 20 giây trong thời gian nghỉ ngơi.
- Thực hiện kéo giãn cơ nhằm giảm căng cơ ở phần cổ/tay/lưng/vai trong thời gian nghỉ ngơi.
- **Nhiệt độ Màu.:** Màn hình có màu ấm hơn với sắc đỏ/vàng khi chỉnh thanh trượt ở mức 5000K hoặc lạnh hơn với sắc xanh dương khi chỉnh thanh trượt ở mức 10.000K.
- **Màu sắc Riêng:** Cho phép bạn tự tùy chỉnh thủ công các chế độ màu.

Chạm vào biểu tượng  và  để tùy chỉnh giá trị màu Đỏ, Lục và Lam và tạo ra chế độ màu cài sẵn của riêng bạn.

Định dạng màu sắc đầu vào

Cho phép bạn chỉnh chế độ đầu vào video ở dạng:

- **RGB:** Lựa chọn chế độ này nếu màn hình của bạn được kết nối với một máy tính (hoặc đầu đĩa DVD) sử dụng dây cáp HDMI, DP hoặc USB Loại C.
- **YCbCr:** Lựa chọn chế độ này nếu đầu đĩa DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YCbCr.



Tái lập Màu sắc

Tái lập chế độ màu sắc của màn hình về các cài đặt mặc định của nhà sản xuất.

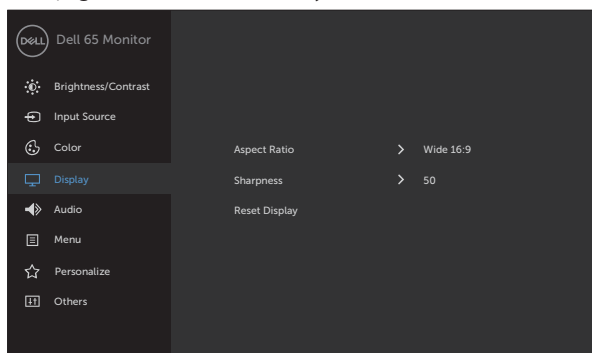


Biểu tượng Menu và Menu con Mô tả



Màn hình

Sử dụng menu **Màn hình** để tùy chỉnh hình ảnh.



Tỉ lệ khung hình

Tùy chỉnh tỉ lệ hình ảnh tới mức **Rộng 16:9, 4:3** hoặc **5:4**.

Độ sắc nét

Khiến ảnh trông sắc nét hoặc mềm hơn.

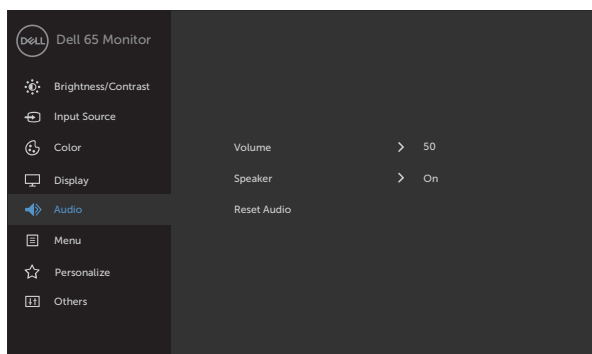
Sử dụng hoặc để tùy chỉnh độ sắc nét từ '0' tới '100'.

Tái lập màn hình

Tái lập các cài đặt màn hình về các cài đặt mặc định của nhà sản xuất.



Âm thanh



Âm lượng

Cho phép bạn tùy chỉnh mức âm lượng của nguồn âm thanh.

Sử dụng hoặc để tùy chỉnh mức âm lượng từ '0' đến '100'.

Loa ngoài

Cho phép bạn kích hoạt hoặc tắt chức năng **Loa ngoài**.

Tái lập âm thanh

Lựa chọn này cho phép tái lập các cài đặt âm thanh mặc định.

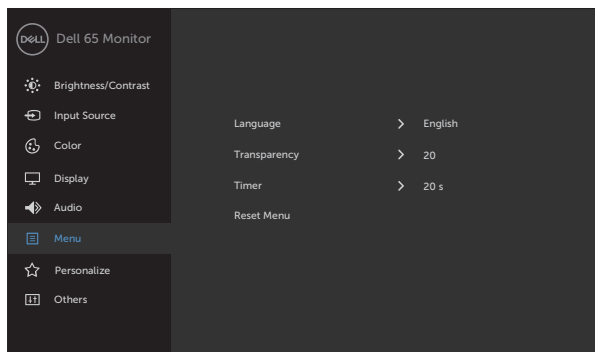






Biểu tượng **Menu và Menu con** **Mô tả**



Menu

Lựa chọn này giúp điều chỉnh các chế độ hiển thị màn hình, như ngôn ngữ, thời gian bảng lựa chọn hiển thị màn hình xuất hiện trên màn hình, v.v.

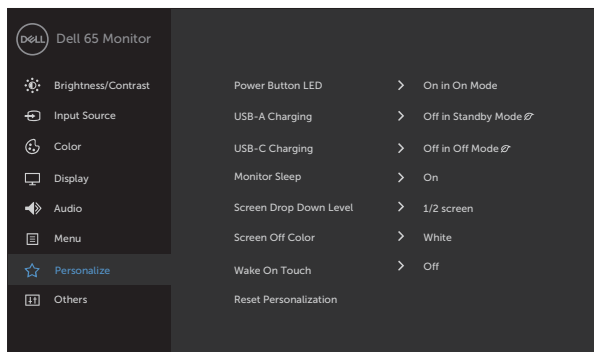


-
- Ngôn ngữ** Cài đặt màn hình tùy chọn hiển thị với một trong tám ngôn ngữ sau. (Tiếng Anh, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Bồ Đào Nha (Bra-xin), Tiếng Nga, Tiếng Trung Giản Thể, hoặc Tiếng Nhật).
(Tiếng Anh, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Bồ Đào Nha (Bra-xin), Tiếng Nga, Tiếng Trung Giản Thể, hoặc Tiếng Nhật).
-
- Độ trong suốt** Lựa chọn này giúp thay đổi độ trong suốt của bảng lựa chọn sử dụng biểu tượng  và  (tối thiểu 0 / tối đa 100).
-
- Hẹn giờ** **Hẹn giờ với chế độ lựa chọn hiển thị:** Sets the time Điều chỉnh thời gian màn hình lựa chọn hiển thị còn khả dụng sau khi bạn ấn nút. Sử dụng  và biểu tượng  để tùy chỉnh thanh trượt tăng theo nấc 1 giây , từ 5 tới 60 giây.
-
- Menu tái lập** Khôi phục các cài đặt menu về các cài đặt mặc định của nhà sản xuất.
-





Cá nhân hoá



Đèn LED ở nút Power Cho phép bạn có thể cài đặt tình trạng sáng để tiết kiệm năng lượng.

Sạc bằng USB loại A Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng sạc qua Cổng USB Loại A và USB Loại C kết nối với thiết bị cá nhân trong chế độ màn hình chờ.
LƯU Ý: Tùy chọn này trước đây được gọi là “USB” trong các phiên bản vi chương trình màn hình loại cũ.

Sạc bằng USB loại C Cho phép bạn luôn bật hoặc tắt chức năng sạc qua **USB loại C** trong chế độ màn hình Tắt nguồn.
LƯU Ý: Việc hiển thị phương án này trên màn hình cho phép bạn sạc notebook thông qua dây cáp USB Loại C (C tới C) kể cả khi màn hình đã tắt.

Chế độ chờ màn hình Lựa chọn **Tắt** để tắt tính năng này.

Mức độ màn hình thả xuống Cho phép bạn điều chỉnh mức độ Màn hình thả xuống để bạn có thể dễ dàng với lên phần phía trên của ảnh.
Lựa chọn mức độ màn hình thả xuống:
- 1/2 màn hình
- 1/3 màn hình
- 2/3 màn hình

Tắt màu màn hình Cho phép bạn tùy chỉnh chế độ **Tắt màu màn hình** sang **Trắng** hoặc **Đen**.

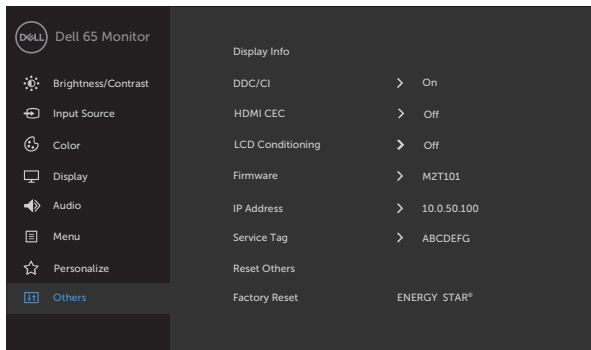
Chạm để Bật Lựa chọn **Kích hoạt** để bật tính năng này.

Tái lập Cá nhân hoá Khôi phục các phím tắt theo chế độ mặc định của nhà sản xuất.





Tùy chỉnh khác



Lựa chọn này tùy chỉnh các chế độ màn hình lựa chọn hiển thị như là **DDC/CI, điều hoà LCD, v.v.**

Thông tin màn hình

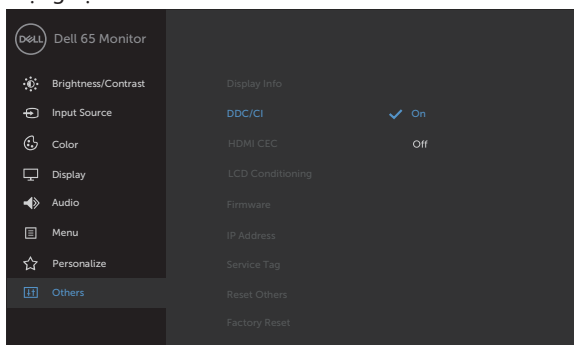
Hiển thị các chế độ hiện tại của màn hình.

DDC/CI

DDC/CI (Display Data Channel DDC – Kênh dữ liệu hiển thị/ Command Interface CI – Giao diện lệnh) cho phép bạn tùy chỉnh các chế độ màn hình bằng cách sử dụng phần mềm trên máy tính.

Lựa chọn **Tắt** để tắt tính năng này.

Kích hoạt tính năng này cho trải nghiệm người dùng tốt nhất và chất lượng vận hành màn hình tối ưu.



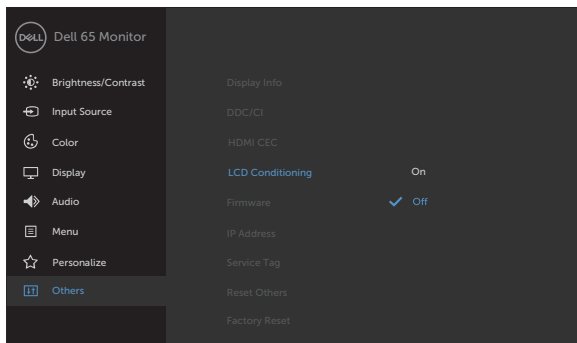
HDMI CEC

Cho phép bạn **Bật** hoặc **Tắt** chức năng HDMI CEC.



Biểu tượng **Menu và Menu con** **Mô tả**

Điều hoà LCD Giúp giảm các trường hợp lỗi lưu hình. Phụ thuộc vào cấp độ lỗi in ảnh, chương trình sẽ mất một khoảng thời gian nhất định để chạy được. Lựa chọn **Kích hoạt** để bắt đầu quy trình.



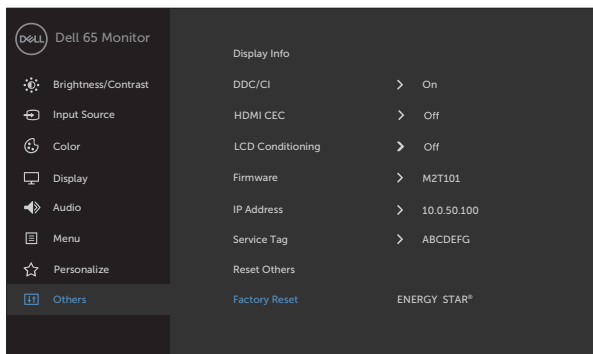
Firmware (phần mềm điều khiển) Phiên bản Firmware hiện tại.

Địa chỉ IP Hiển thị địa chỉ IP.

Thẻ dịch vụ Hiển thị thẻ dịch vụ.

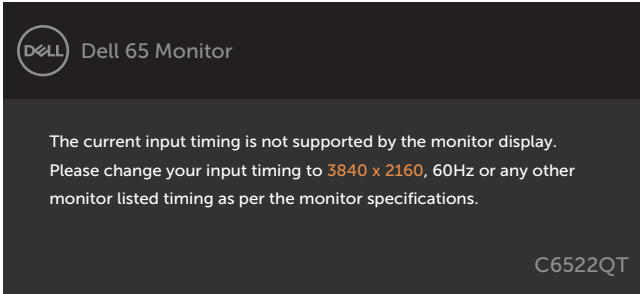
Tái lập các chế độ khác Khôi phục các chế độ khác, như **DDC/CI**, về chế độ mặc định khi xuất xưởng.

Tái lập xuất xưởng Khôi phục tất cả giá trị đã đặt trước về thiết đặt gốc. Đây cũng là các thiết đặt cho các bài kiểm thử ENERGY STAR®.



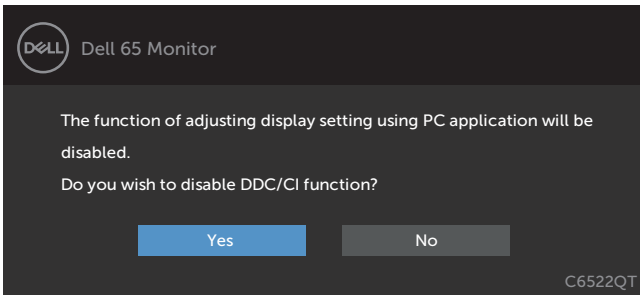
Các tin nhắn Cảnh báo lựa chọn hiển thị

Khi màn hình không hỗ trợ một chế độ phân giải nào đó, bạn có thể đọc được tin nhắn sau:

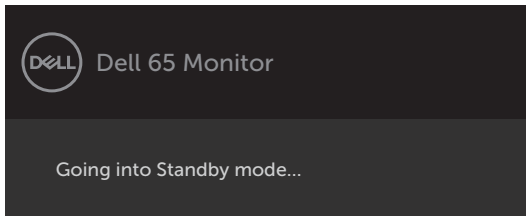


Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ cùng tín hiệu nhận được từ máy tính. Xem Thông số kỹ thuật màn hình [Thông số kỹ thuật màn hình](#) để biết thêm về phạm vi dải tần số Ngang và Dọc có thể được xác định bởi màn hình này. Chế độ được đề nghị là 3840 x 2160.

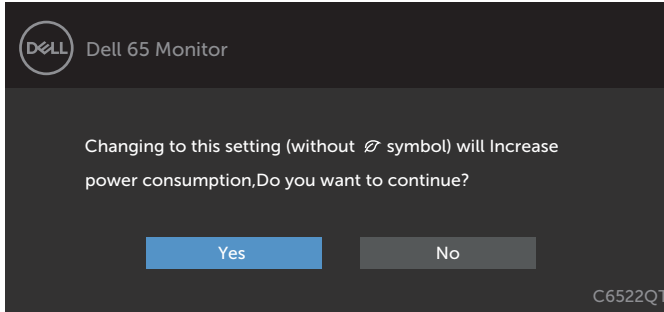
Bạn có thể thấy tin nhắn dưới đây trước khi chức năng DDC/CI bị tắt:



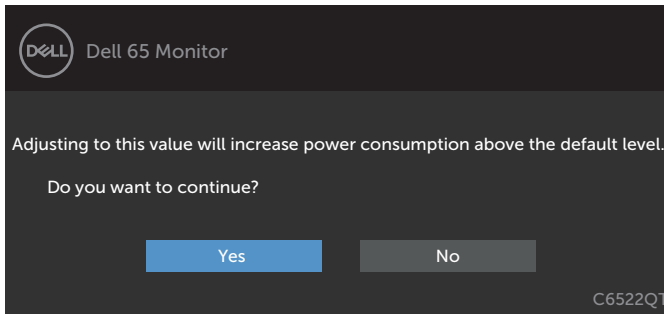
Khi màn hình hiển thị chuyển sang chế độ Chờ, thông báo sau đây sẽ hiện ra:



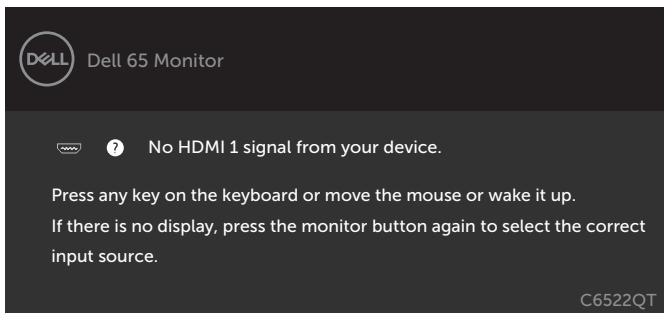
Chọn các mục Bật ở Chế Độ Chờ trên OSD ở phần Tùy Biến Cá Nhân, thông báo sau đây sẽ hiện ra:



Nếu điều chỉnh Độ Sáng vượt mức mặc định trên 75%, thông báo sau đây sẽ hiện ra:

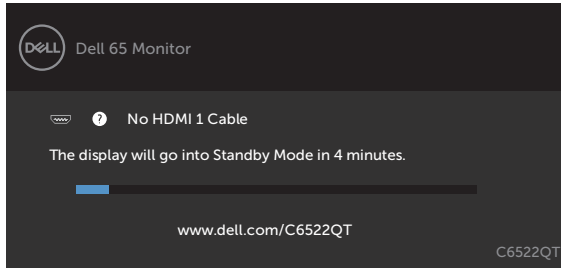


Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào khác nút bật/tắt, hiển thị các tin nhắn dưới đây phụ thuộc vào đầu vào nhất định:

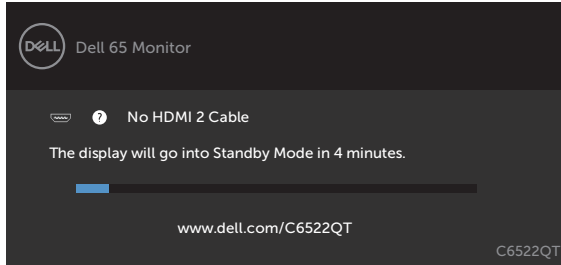


Nếu đầu vào HDMI 1, HDMI 2, HDMI 3, DP hoặc USB Loại C được lựa chọn và dây cáp tương ứng không được kết nối, một hộp thoại trôi như dưới đây sẽ xuất hiện.

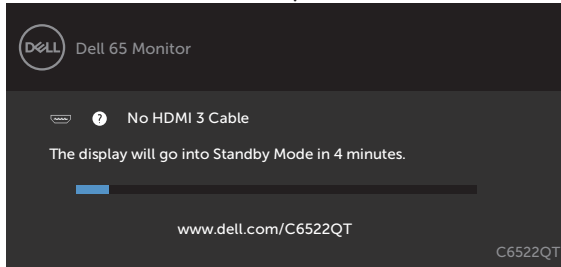




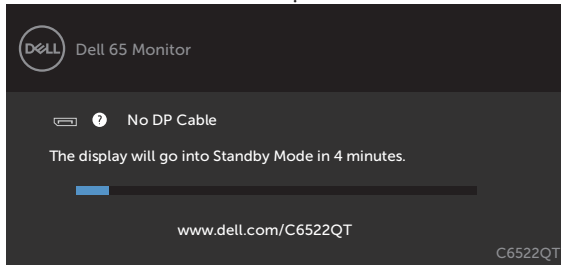
hoặc



hoặc

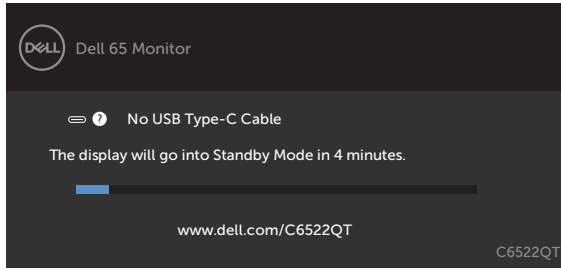


hoặc



hoặc





Xem [Xử lý sự cố](#) để biết thêm thông tin.



Cài đặt độ phân giải tối đa

Để cài đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trên Window 7, Window 8 hoặc Windows 8.1:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop để chuyển sang desktop cổ điển. Đối với Windows Vista và Windows 7, bỏ qua bước này.
2. Nhấp phải vào desktop và chọn **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấp vào danh sách **Screen Resolution (Độ Phân Giải Màn Hình)** sổ xuống và chọn **3840 x 2160**.
4. Nhấp **OK**.

Trên Windows 10:

1. Nhấp phải vào desktop và chọn **Display Settings (Cài đặt màn hình)**.
2. Nhấp **Advanced Display Settings (Cài Đặt Hiển Thị Nâng Cao)**.
3. Nhấp vào danh sách **Resolution (Độ Phân Giải)** sổ xuống và chọn **3840 x 2160**.
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

Nếu bạn không thấy tùy chọn **3840 x 2160**, bạn có thể cần phải cập nhật driver đồ họa. Tùy theo máy tính của bạn, hoàn thiện một trong những quy trình sau đây:

Nếu bạn có máy tính bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập <https://www.dell.com/support>, nhập thẻ dịch vụ của bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.

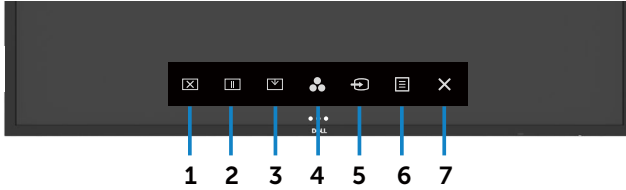
Nếu bạn đang không sử dụng máy tính Dell (laptop hoặc máy bàn):

- Truy cập trang web hỗ trợ của nhà sản xuất máy tính và tải về driver card đồ họa mới nhất.
- Truy cập trang web của nhà sản xuất card đồ họa và tải về driver card đồ họa mới nhất.




Quản lý Web Dell dành cho màn hình


Trước khi truy cập tính năng Quản lý Web màn hình, hãy đảm bảo rằng Ethernet vẫn hoạt động bình thường.



• **Bật Ethernet**

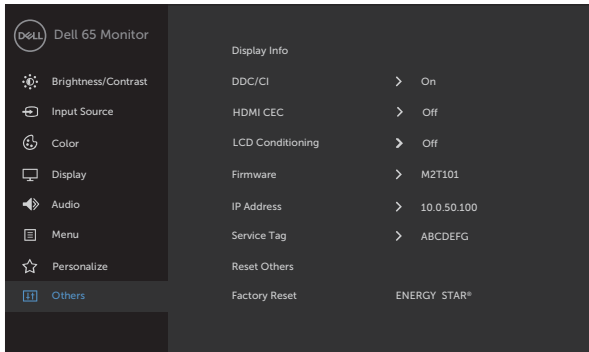
Chạm và giữ **phím cảm ứng số 5** trên thanh công cụ đang trước trong vòng 4 giây để bật lên, Biểu tượng mạng  sẽ xuất hiện ở giữa trong 4 giây.

Tắt Ethernet

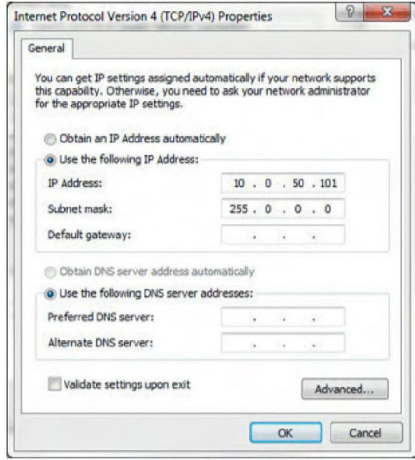
Chạm và giữ **phím cảm ứng 5** trên bảng phía trước trong 4 giây để tắt. Biểu tượng mạng  sẽ xuất hiện ở giữa trong 4 giây.

Để truy cập công cụ Quản lý Web màn hình của Dell, bạn cần cài đặt Địa chỉ IP cho máy của bạn và màn hình.

1. Nhấn phím Menu trên điều khiển từ xa để hiển thị Địa chỉ IP của màn hình, hoặc bằng cách di chuyển sang Menu OSD > Chế độ khác. Địa chỉ IP mặc định là 10.0.50.100



2. Tại thanh Thuộc tính IP của máy tính, xác định Địa chỉ IP bằng cách lựa chọn Sử dụng địa chỉ IP dưới đây và nhập các giá trị sau: Địa chỉ IP: 10.0.50.101 và Subnet Mask: 255.0.0.0 (để trống tất cả các trường khác).



3. Cấu hình Địa chỉ IP sẽ có dạng như sau:



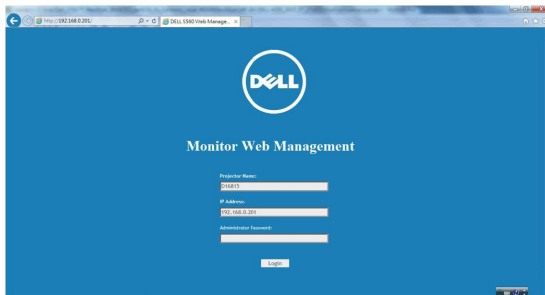
Configure notebook IP Address to 10.0.50.101



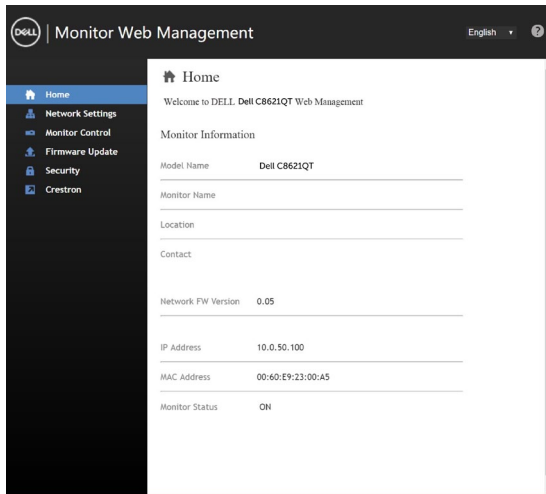
Monitor IP Address 10.0.50.100

Để truy cập và sử dụng công cụ quản lý web, tuân thủ các bước sau:

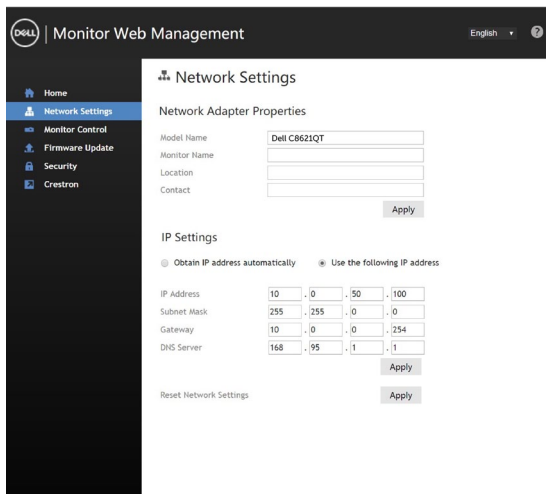
1. Mở một trình duyệt web và gõ địa chỉ IP của màn hình (10.0.50.100) vào thanh địa chỉ.
2. Trang yêu cầu đăng nhập hiện ra. Nhập mật khẩu quản trị để tiếp tục.



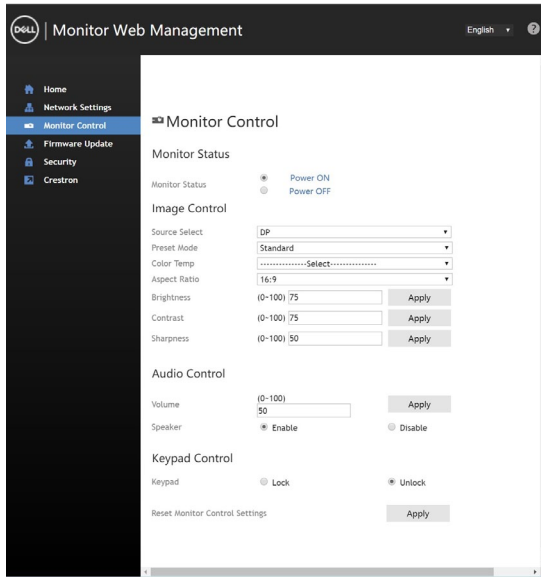
3. Trang chủ được mở ra:



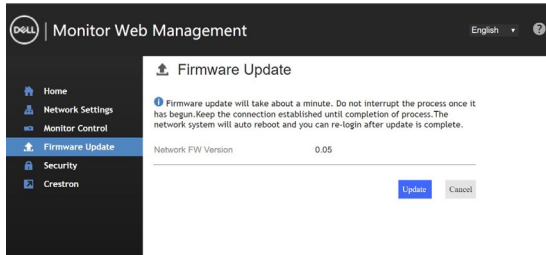
4. Nhấp vào **Cài đặt mạng** để kiểm tra các cài đặt mạng.



5. Nhấp vào M^Điều Khiển Màn Hình để xem trạng thái của màn hình hiển thị.



6. Nhấp vào Cập Nhật Firmware. Bạn có thể tải các trình điều khiển mới nhất từ trang web Hỗ trợ của Dell tại www.dell.com/support.



Nâng cấp trang firmware và đợi 30 giây.

Upgrade Firmware

Please select a file (~.dld) to upgrade :

(Upgrading firmware may take 60 seconds)

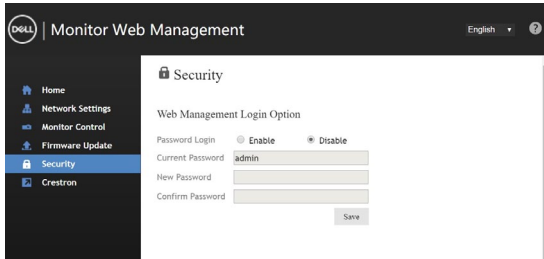
Upgrade must NOT be interrupted !



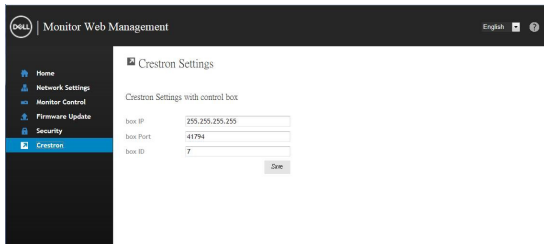
Hoàn tất. Chọn nút bấm để tiếp tục sau 8 giây.



7. Nhấp vào **Bảo mật** để đặt mật khẩu.



8. Bấm vào **Crestron** để điều khiển giao diện.



Xử lý sự cố

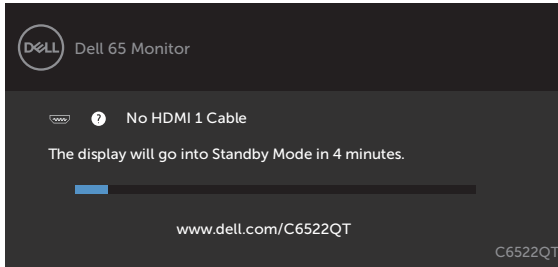
! **CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ thao tác nào trong phần này, bạn cần tuân thủ **Hướng dẫn an toàn.**

Tự kiểm tra

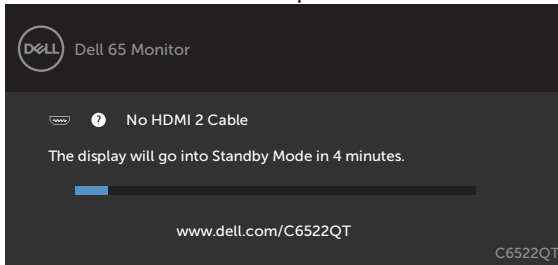
Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra, cho phép bạn kiểm tra tình trạng hoạt động của màn hình. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối phù hợp nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy chế độ tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Tắt máy tính và màn hình.
2. Tháo cáp video ở phía sau máy tính. Nhằm đảm bảo sự chính xác của quá trình Tự Kiểm tra, tháo tất cả các cáp kỹ thuật số và analog ở phía sau máy tính.
3. Bật màn hình

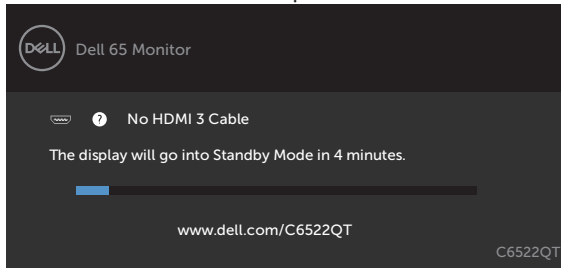
Hộp hội thoại trôi sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không nhận tín hiệu video và đang hoạt động tốt. Trong quá trình tự kiểm tra, đèn LED tắt/bật vẫn có màu trắng. Đồng thời, tùy thuộc vào các đầu vào được lựa chọn, một trong những hội thoại hiển thị dưới đây sẽ liên tục chạy qua màn hình.



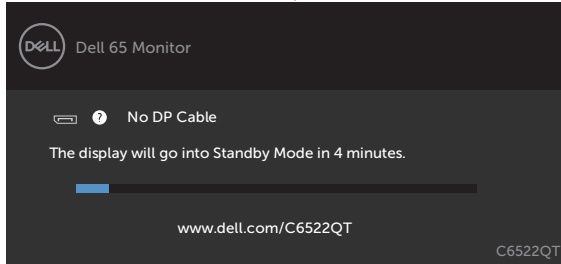
hoặc



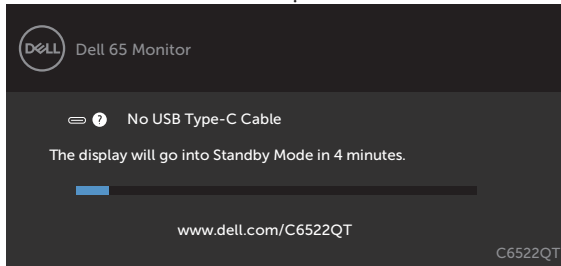
hoặc



hoặc



hoặc



4. Hộp thoại này cũng xuất hiện khi vận hành hệ thống bình thường, nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc hỏng hóc.

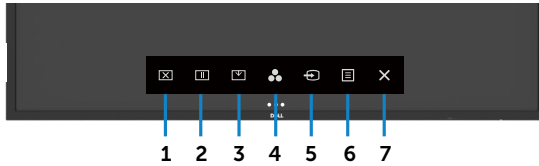
5. Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video; sau đó bật máy tính và màn hình của bạn.

Nếu màn hình của bạn vẫn trống sau khi bạn áp dụng các bước trên, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính, bởi vì màn hình của bạn vẫn đang hoạt động bình thường.



Chẩn đoán dựng sẵn

Màn hình của bạn sở hữu một công cụ chẩn đoán dựng sẵn giúp bạn xác định tình trạng màn hình bất thường mà bạn đang gặp phải là một vấn đề cố hữu với màn hình, hay với máy tính và card video.





Để chạy chẩn đoán dự phòng sẵn:

1. Đảm bảo rằng màn hình sạch sẽ (không có hạt bụi trên bề mặt của màn hình).
2. Chạm và giữ  trong 5 giây trong khóa Tùy chọn Lựa chọn. Chạm vào biểu tượng tự kiểm tra , Một màn hình màu xám sẽ xuất hiện.
3. Cần thận kiểm tra màn hình để tìm ra dấu hiệu bất thường.
4. Chạm vào bảng điều khiển phía trước. Màu sắc của màn hình sẽ chuyển sang đỏ.
5. Kiểm tra màn hình để tìm ra bất kỳ dấu hiệu bất thường nào.
6. Lặp lại bước 4 và 5 để kiểm tra màn hình ở chế độ hiển thị màu xanh lá, xanh dương và văn bản.

Phản kiểm tra kết thúc khi màn hình văn bản xuất hiện. Để thoát, chạm vào bảng điều khiển một lần nữa.

Nếu bạn không phát hiện bất cứ dấu hiệu bất thường nào của màn hình qua công cụ chẩn đoán dự phòng sẵn thì màn hình đang hoạt động bình thường. Kiểm tra card video và máy tính.



Sự cố chung

Bảng sau bao gồm thông tin tổng hợp về các sự cố hiển thị chung mà bạn có thể gặp phải và giải pháp khả thi:

| Dấu hiệu chung | Vấn đề bạn gặp phải | Giải pháp khả thi |
|---|---|---|
| Không có Video/ Đèn LED nguồn tắt | Không có hình ảnh | <ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo rằng cáp video kết nối màn hình với máy tính được cắm đúng và chắc chắn.• Xác thực rằng ổ cắm điện đang hoạt động bình thường bằng cách sử dụng bất cứ thiết bị điện nào khác.• Đảm bảo rằng nút nguồn được nhấn xuống toàn bộ.• Đảm bảo rằng nguồn đầu vào đúng được lựa chọn trong menu Nguồn đầu vào. |
| Không có Video/ Đèn LED nguồn mở | Không có hình ảnh hoặc độ sáng | <ul style="list-style-type: none">• Tăng điều khiển độ sáng & tương phản qua OSD.• Thực hiện tính năng tự kiểm tra màn hình.• Kiểm tra chân bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video.• Chạy chẩn đoán dự phòng sẵn.• Đảm bảo rằng nguồn đầu vào đúng được lựa chọn trong menu Nguồn đầu vào. |
| Lấy nét kém | Hình ảnh mờ, nhòe, hoặc phủ bóng | <ul style="list-style-type: none">• Loại bỏ cáp nối dài video.• Thiết lập lại màn hình về cài đặt xuất xưởng.• Chuyển độ phân giải video về đúng tỷ lệ khung hình. |
| Video rung/lệch | Hình ảnh lượn sóng hoặc chuyển động nhỏ | <ul style="list-style-type: none">• Thiết lập lại màn hình về cài đặt xuất xưởng.• Kiểm tra các yếu tố môi trường.• Chuyển vị trí màn hình và kiểm tra tại một phòng khác. |
| Mất điểm ảnh | Màn hình LCD xuất hiện các đốm | <ul style="list-style-type: none">• Thay phiên bật tắt nguồn điện.• Điểm ảnh vĩnh viễn bị mất đi là một lỗi không thể tránh khỏi đối với công nghệ LCD.• Để biết thêm thông tin về Chất lượng Màn hình Dell và Chính sách Pixel, xem trang web Hỗ trợ của Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors. |
| Điểm ảnh kẹt sáng | Màn hình LCD xuất hiện các đốm sáng | <ul style="list-style-type: none">• Thay phiên bật tắt nguồn điện.• Điểm ảnh vĩnh viễn bị mất đi là một lỗi không thể tránh khỏi đối với công nghệ LCD.• Để biết thêm thông tin về Chất lượng Màn hình Dell và Chính sách Pixel, xem trang web Hỗ trợ của Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors. |
| Vấn đề về Độ sáng | Hình ảnh quá tối hoặc quá sáng | <ul style="list-style-type: none">• Thiết lập lại màn hình về cài đặt xuất xưởng.• Điều chỉnh điều khiển độ sáng & tương phản qua OSD. |




| Dấu hiệu chung | Vấn đề bạn gặp phải | Giải pháp khả thi |
|--|---|---|
| Vấn đề về âm thanh | Không có âm thanh | <ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra PC để xem thiết đặt phát lại đã được chọn đúng hay không. • Kiểm tra các cáp video khác. • Đảm bảo rằng Loa được kích hoạt qua OSD |
| Biến dạng hình học | Màn hình không được căn giữa chuẩn xác | <ul style="list-style-type: none"> • Thiết lập lại màn hình về cài đặt xuất xưởng. |
| Vấn đề về Đồng bộ hóa | Màn hình nhiều hoặc phân mảnh | <ul style="list-style-type: none"> • Thiết lập lại màn hình về cài đặt xuất xưởng. • Thực hiện tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định màn hình nhiều có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra chân bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video. • Khởi động lại máy tính ở chế độ an toàn. |
| Những vấn đề liên quan đến an toàn | Dấu hiệu có thể nhìn thấy của khói hoặc tia lửa | <ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kỳ thao tác xử lý sự cố nào. • Liên hệ với Dell ngay lập tức. |
| Vấn đề về gián đoạn | Màn hình liên tục bật & tắt | <ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo rằng cáp video kết nối màn hình với máy tính được cắm đúng và chắc chắn. • Thiết lập lại màn hình về cài đặt xuất xưởng. • Thực hiện tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định vấn đề về gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không. |
| Mất màu | Hình ảnh mất màu | <ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện tự kiểm tra màn hình. • Đảm bảo rằng cáp video kết nối màn hình với máy tính được cắm đúng và chắc chắn. • Kiểm tra chân bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video. |
| Hiện thị màu sai | Màu sắc hình ảnh không tốt | <ul style="list-style-type: none"> • Thay đổi thiết lập của Chế độ Thiết lập lại trong menu màu OSD tùy thuộc vào ứng dụng. • Điều chỉnh giá trị R/G/B trong phần Tùy chỉnh. Màu sắc trong menu màu OSD. • Thay đổi Định dạng màu đầu vào sang PC RGB hoặc YCbCr trong menu màu OSD. • Chạy chẩn đoán dự phòng sẵn. |
| Hiện tượng lưu ảnh từ một hình ảnh tĩnh xuất hiện trên màn hình trong khoảng thời gian dài | Bóng mờ từ một hình ảnh tĩnh được trình chiếu xuất hiện trên màn hình | <ul style="list-style-type: none"> • Cài đặt tắt màn hình sau vài phút nhàn rỗi. Các tác vụ này có thể được điều chỉnh trong mục Windows Power Options (Tùy Chọn Năng Lượng trên Window) hoặc Mac Energy Saver Setting (Cài Đặt Tiết Kiệm Năng Lượng trên Mac). • Ngoài ra, sử dụng một trình bảo vệ màn hình thay đổi thường xuyên. |



| Dấu hiệu chung | Vấn đề bạn gặp phải | Giải pháp khả thi |
|---------------------------------|---------------------------------|---|
| Màn hình cảm ứng không phản hồi | Màn hình không bật khi chạm vào | <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo rằng tính năng Bật khi chạm được kích hoạt qua OSD. Tính năng Bật khi chạm được mặc định tắt. |

Sự cố cụ thể về sản phẩm

| Dấu hiệu cụ thể | Vấn đề bạn gặp phải | Giải pháp khả thi |
|---|--|---|
| Hình ảnh màn hình quá nhỏ | Hình ảnh được đặt ở trung tâm màn hình, nhưng lại không phủ đầy toàn bộ khu vực nhìn | <ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra thiết đặt tỉ lệ khung hình trong menu màn hình OSD. Thiết lập lại màn hình về cài đặt xuất xưởng. |
| Không thể điều chỉnh màn hình qua chạm OSD | OSD không xuất hiện trên màn hình | <ul style="list-style-type: none"> Tắt màn hình, tháo dây cáp nguồn màn hình, cắm lại, và sau đó bật màn hình. Kiểm tra menu OSD có bị khóa hay không. Nếu có, chạm vào  biểu tượng trong vòng 4 giây để mở khóa. |
| Không có Tín hiệu đầu vào khi kiểm tra được nhấn | Không có hình ảnh, ánh sáng đèn LED màu trắng | <ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra tín hiệu nguồn. Đảm bảo rằng máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím. Kiểm tra cáp tín hiệu đã được cắm đúng hay chưa. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần thiết. Thiết lập lại máy tính hoặc đầu phát video. |
| Hình ảnh không phủ đầy toàn bộ màn hình | Hình ảnh không thể phủ đầy chiều cao hoặc chiều rộng của màn hình | <ul style="list-style-type: none"> Tùy vào định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình. Chạy chẩn đoán dựng sẵn. |
| Không thể hiển thị hình ảnh khi sử dụng kết nối USB Loại C với máy tính và laptop, vân vân. | Màn hình đen | <ul style="list-style-type: none"> Xác định xem giao diện USB Loại C của thiết bị có thể hỗ trợ chế độ DP Alternate hay không. Xác định xem thiết bị có đòi hỏi sạc điện năng trên 90 W hay không. Giao diện USB Loại C của thiết bị không thể hỗ trợ chế độ DP Alternate. Chuyển Windows về chế độ Chiếu. Đảm bảo cáp của USB Loại C không bị hỏng. |



| Dấu hiệu cụ thể | Vấn đề bạn gặp phải | Giải pháp khả thi |
|---|----------------------------|--|
| Không sạc khi dùng kết nối USB Loại C với máy tính, máy tính xách tay... | Không sạc pin | <ul style="list-style-type: none"> Xác thực xem thiết bị có thể hỗ trợ một trong 5 cấu hình sạc V/9 V/15 V/20 V hay không. Xác nhận xem Máy tính bảng có yêu cầu bộ đổi nguồn >90 W không. Nếu Máy tính bảng yêu cầu bộ đổi nguồn >90 W, thì có khả năng không thể sạc máy tính bảng đó bằng kết nối USB loại C. Hãy đảm bảo rằng bạn chỉ sử dụng bộ chuyển đổi được phê duyệt của Dell hoặc bộ chuyển đổi đi kèm sản phẩm. Đảm bảo cáp của USB Loại C không bị hỏng. |
| Sạc ngắt quãng khi dùng kết nối USB Loại C với máy tính, máy tính xách tay... | Gián đoạn sạc | <ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra xem mức tiêu thụ điện năng tối đa của thiết bị có vượt quá 90 W hay không. Hãy đảm bảo rằng bạn chỉ sử dụng bộ chuyển đổi được phê duyệt của Dell hoặc bộ chuyển đổi đi kèm sản phẩm. Đảm bảo cáp của USB Loại C không bị hỏng. |

Sự cố về màn hình cảm ứng

| Dấu hiệu cụ thể | Vấn đề bạn gặp phải | Giải pháp khả thi |
|--|---|--|
| Lỗi thông báo cảm ứng | Canh chỉnh thiếu chức năng cảm ứng hoặc không có chức năng cảm ứng | <ul style="list-style-type: none"> Dùng cáp USB do Dell cung cấp để kết nối máy tính của bạn. Đảm bảo cáp nguồn có chấu cắm nối đất. Tháo và cắm lại phích của dây cáp nguồn để bắt đầu mô-đun cảm ứng. Đảm bảo máy tính hỗ trợ USB 2.0 hoặc mới hơn. Nếu màn hình không thể được phát hiện bởi máy tính, hãy tắt/bật màn hình hoặc rút và cắm lại cáp USB. |
| Màn hình cảm ứng không phản ứng ở chế độ standby | Không thể khởi động màn hình và máy tính bằng chạm ở chế độ standby | <ul style="list-style-type: none"> Truy cập Trình quản lý thiết, mở rộng Thiết bị giao diện HID trong Thiết bị người dùng. Nhấp phải thiết bị tương thích HID, nhấp Properties (Thuộc tính) và chọn ô chọn để cho phép thiết bị khởi động máy tính. Kiểm tra cài đặt 'Đánh thức khi chạm' OSD của màn hình xem đã bật hay chưa. |



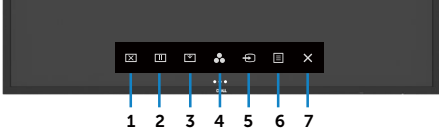
Sự cố cụ thể về Bus tuần tự đa năng (USB)

| Dấu hiệu cụ thể | Vấn đề bạn gặp phải | Giải pháp khả thi |
|---|--|---|
| Giao diện USB không hoạt động | Thiết bị ngoại vi USB không hoạt động | <ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra màn hình của bạn đã được BẬT.• Kết nối lại cáp truyền dữ liệu lên với máy tính của bạn.• Kết nối lại thiết bị ngoại vi USB (đầu kết nối với thiết bị ngoại vi).• Ngắt kết nối và sau đó bật lại màn hình.• Khởi động lại máy tính.• Một số thiết bị USB như ổ cứng di động gắn ngoài HDD yêu cầu dòng điện cao hơn; kết nối thiết bị trực tiếp với hệ thống máy tính. |
| Giao diện SuperSpeed USB 3.1 chậm. | Thiết bị ngoại vi SuperSpeed USB 3.1 hoạt động chậm hay không hoạt động | <ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra máy tính của bạn có tương thích với USB 3.1 hay không.• Một số máy tính có cổng USB 3.1, USB 3.0, USB 2.0, và USB 1.1. Đảm bảo sử dụng đúng cổng USB.• Kết nối lại cáp truyền dữ liệu lên với máy tính của bạn.• Kết nối lại thiết bị ngoại vi USB (đầu kết nối với thiết bị ngoại vi).• Khởi động lại máy tính. |
| Thiết bị ngoại vi USB không dây ngừng hoạt động khi một thiết bị USB 3.1 được cắm vào | Thiết bị ngoại vi USB không dây phản hồi chậm hoặc chỉ hoạt động khi khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận giảm xuống | <ul style="list-style-type: none">• Tăng khoảng cách giữa thiết bị ngoại vi USB 3.1 và bộ nhận USB không dây.• Đặt thiết bị nhận USB không dây của bạn ở khoảng cách gần nhất có thể với thiết bị ngoại vi USB không dây.• Sử dụng một cáp kéo dài USB để đặt bộ nhận USB ở khoảng cách xa nhất có thể từ cổng USB 3.1. |
| USB không hoạt động | Không có chức năng USB | Xem bảng tương thích nguồn đầu vào và USB |



Sự cố về Ethernet

| Dấu hiệu cụ thể | Vấn đề bạn gặp phải | Giải pháp khả thi |
|--------------------------|---|--|
| Ethernet không hoạt động | Quản lý Web của Dell dành cho điều khiển hiển thị trang web không hoạt động | <ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo rằng cáp mạng kết nối màn hình được cắm chắc chắn.• Chạm biểu tượng 5 trên màn hình trong vòng 4 giây để bật lên, Biểu tượng mạng sẽ xuất hiện ở giữa trong 4 giây.• Chạm vào biểu tượng 5 trên pa nô trước trong vòng 4 giây để tắt đi, Biểu tượng mạng sẽ xuất hiện ở giữa trong 4 giây. |



The image shows a dark control panel with seven numbered icons (1-7) and a network status icon. The icons are: 1. Mail icon, 2. Calendar icon, 3. Messages icon, 4. Network status icon (with a red 'X'), 5. Power icon, 6. Home icon, 7. Close icon. Blue lines connect the numbers 1-7 to their respective icons. A red 'X' is visible on the network status icon.




Phụ lục

Thông báo FCC (chỉ Hoa Kỳ) và thông tin pháp lý khác

Để biết thêm Thông báo FCC và các thông tin pháp lý khác, xem trang web về tuân thủ pháp lý tại địa chỉ https://www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ Dell

Nếu là khách hàng tại Mỹ, vui lòng gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355)

 **LƯU Ý:** Nếu bạn không có kết nối Internet đang hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên hệ trên hóa đơn mua hàng, phiếu gói hàng, hóa đơn, hoặc danh mục sản phẩm của Dell.

Dell cung cấp một số tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ trực tuyến và qua điện thoại. Dịch vụ có sẵn khác nhau tùy theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có sẵn trong khu vực của bạn.

- Phòng hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến — <https://www.dell.com/support/monitors>

Cơ sở dữ liệu của sản phẩm EU để ghi trên nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm

C6522QT: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/444113>

